

TRẮC NGHIỆM KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7. NĂM HỌC 2022-2023
PHẦN: SINH HỌC

I. MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Số tiết thực dạy	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu	GV phụ trách phản biện chéo	Ghi chú
1	Bài 22.Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật		7	3	5	15	Nguyễn Minh Kha Trần Hồng Nhi Lê Ngọc Dung Phạm Đình Dũng Trần Mỹ Ngôn Lê Văn Thâu	
2	Bài 23.Quang hợp ở thực vật		12	8	12	32		
3	Bài 24.Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh		5	6	1	12		
4	Bài 25.Hô hấp tế bào		10	10	10	30		
5	Bài 26. Thực hành hô hấp tế bào		3		2	5		
6	Bài 27.Trao đổi khí ở sinh vật.		10	7	12	29		
7	Bài 28. Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.		11	5	8	24		
8	Bài 29.Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật		8	7	7	22		
9	Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật		9	11	6	26		
10	Bài 31: Thực hành chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước		3	1	1	5		
11	Bài 32: Cảm ứng ở sinh vật		8	6		14		
12	Bài 33: Tập tính ở sinh vật		8	6	6	20		
13	Bài 34. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật		14	10	6	30		
14	Bài 35.Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật		11	6	12	29		
15	Bài 36.Thực hành minh sinh trưởng và phát triển ở TV, ĐV			5		5		
16	Bài 37 Sinh sản ở sinh vật.		14	10	8	32		
17	Bài 38: Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật		8	4	4	16		
18	Bài 39: Chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất.		4	6		10		
Cộng			145	111	100	356		

II. CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN.

CẤP ĐỘ	Câu hỏi và đáp án
BÀI 22: VAI TRÒ CỦA TRAO ĐỔI CHẤT VÀ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG Ở SINH VẬT	
Nhận biết	Câu 1: Trao đổi chất ở sinh vật gồm những quá trình nào? A. Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường và chuyển hóa các chất diễn ra trong tế bào. B. Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường và chuyển hóa các chất diễn ra trong cơ thể. C. Trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường. D. Chuyển hóa các chất diễn ra trong tế bào.
	Câu 2: Cơ thể người thải ra chất gì trong quá trình trao đổi chất? A. Chất thải. B. Thức ăn. C. Nước uống. D. Oxygen.
	Câu 3: Trong quá trình trao đổi chất, cơ thể con người không lấy vào: A. Khí Carbon dioxide. B. Khí Oxygen. C. Nước uống. D. Thức ăn.
	Câu 4: Ở Người, trong quá trình trao đổi chất ở tế bào, khí carbon dioxide sẽ theo mạch máu tới cơ quan nào để thải ra ngoài? A. Phổi. B. Dạ dày. C. Thận. D. Gan.
	Câu 5: Chuyển hóa các chất trong tế bào dựa trên cơ sở là. A. các phản ứng hóa học diễn ra trong tế bào. B. các biến đổi lý học giữa các thành phần trong tế bào. C. hoạt động của các cơ quan trong cơ thể. D. biến đổi lý học diễn ra trong hoạt động các cơ quan trong cơ thể
	Câu 6: Chuyển hóa được thể hiện qua: A. Quá trình tổng hợp và phân giải các chất. B. Quá trình tổng hợp các chất. C. Quá trình phân giải các chất. D. Quá trình biến đổi lý học và biến đổi hóa học của các chất.
	Câu 7: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp cơ thể thực vật: A. Sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, sinh sản. B. Sinh trưởng, vận động, cảm ứng, sinh sản. C. Vận động, phát triển, cảm ứng, sinh sản. D. Sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, vận động.
	Câu 8: Cho các quá trình chuyển hóa sau: 1.Quang năng → hóa năng. 2. Điện năng → nhiệt năng. 3. Hóa năng → nhiệt năng. 4. Điện năng → cơ năng. Có bao nhiêu biến đổi chuyển hóa năng lượng trong cơ thể sinh vật?

Thông hiểu	A. 2. B. 1. C. 3. D. 4. Câu 9: Trong quá trình quang hợp, cây xanh sử dụng nước, khí carbon dioxide, ánh sáng từ môi trường ngoài thông qua hoạt động của lục lạp ở lá tạo ra khí oxygen và Glucose. Quá trình chuyển hóa trên thuộc loại biến đổi: A. Quang năng → hóa năng. B. Điện năng → nhiệt năng. C. Hóa năng → nhiệt năng. D. Điện năng → cơ năng. Câu 10: Sự trao đổi chất ở người diễn ra ở mấy cấp độ? A. 2 cấp độ. B. 1 cấp độ. C. 3 cấp độ. D. 4 cấp độ.
Vận dụng	Câu 11: Cho các quá trình sau: 1. Phân giải protein trong tế bào. 2. Bài tiết mồ hôi. 3. Vận chuyển thức ăn từ miệng xuống dạ dày. 4. Lấy carbon dioxide và thải oxy gen ở thực vật. Có bao nhiêu quá trình thuộc trao đổi chất ở sinh vật? A. 3. B. 1. C. 2. D. 4. Câu 12: Cho các hoạt động sau: 1. Người đang chơi bóng đá. 2. Người đang ngủ. 3. Người đang đi bộ. Tốc độ trao đổi chất trong cơ thể người trong ba hoạt động từ nhanh đến chậm được sắp xếp như sau: A. 1- 3- 2. B. 1- 2 – 3. C. 2- 1- 3. D. 2- 3 -1. Câu 13: Khi chúng ta chơi thể thao nhiệt độ cơ thể tăng hơn bình thường, thở nhanh. Hiện tượng này là do: A. cơ thể chuyển hóa hóa năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp oxygen cho quá trình chuyển hóa năng lượng. B. cơ thể chuyển hóa điện năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp oxygen cho quá trình chuyển hóa năng lượng. C. cơ thể chuyển hóa hóa năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp carbon dioxide cho quá trình chuyển hóa năng lượng. D. cơ thể chuyển hóa điện năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp carbon dioxide cho quá

	trình chuyển hóa năng lượng.
	Câu 14: Tại sao những người béo phì thường là những người ít vận động? A. Ít vận động dẫn đến sự chuyển hóa trong tế bào ít, nên các chất dinh dưỡng không dùng hết sẽ tích trữ tạo nên các lớp mỡ. B. Ít vận động giúp tăng khả năng trao đổi chất nên cơ thể hấp thu được nhiều chất dinh dưỡng hơn. C. Ít vận động sẽ dẫn đến sự chuyển hóa trong tế bào nhiều, nên cơ thể hấp thụ được nhiều chất dinh dưỡng hơn. D. Cơ thể cần nhiều thời gian để hấp thụ chất dinh dưỡng nên vận động bị hạn chế.
	Câu 15: Cho các biện pháp sau: 1. Uống đủ nước, cung cấp đầy đủ các nhóm chất cho cơ thể. 2. Vận động thường xuyên và chú ý nâng cao cường độ luyện tập. 3. Hạn chế sử dụng các chất kích thích như rượu, bia,... 4. Không thức khuya, ngủ đủ giấc (6-8 tiếng/ngày). Số biện pháp giúp tăng cường quá trình trao đổi chất ở cơ thể: A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.
BÀI 23: QUANG HỢP Ở THỰC VẬT	
Nhận biết	Câu 1: Trong quá trình quang hợp, lá cây nhả ra loại khí nào? A. Khí Oxygen. B. Khí nitrogen. C. Khí Hidrôgen. D. Khí carbon dioxide.
	Câu 2: Thành phần nào dưới đây không tham gia trực tiếp vào quá trình quang hợp của thực vật? A. Không bào. B. Lục lạp.. C. Nước. D. Khí carbon dioxide.
	Câu 3: Trong cơ thể thực vật, bộ phận nào chuyên hoá với chức năng chế tạo tinh bột? A. Lá. B. Rễ. C. Hoa. D. Thân.
	Câu 4: Điều kiện cần để lá cây có thể quang hợp được khi có đầy đủ các nguyên liệu là gì? A. Có ánh sáng. B. Nhiệt độ thấp. C. Độ ẩm thấp. D. Nền nhiệt cao.
	Câu 5: Vai trò nào dưới đây không phải của quang hợp? A. Cân bằng nhiệt độ của môi trường. B. Tạo chất hữu cơ. C. Tích lũy năng lượng.

	D. Điều hòa không khí.
	Câu 6: Bào quan thực hiện quang hợp là... A. lục lạp. B. ti thể. C. lá cây. D. khí khổng.
	Câu 7: Để thực hiện quá trình quang hợp, khí carbon dioxide lá cây lấy từ... A. không khí qua khí khổng của lá. B. đất qua tế bào lông hút của rễ. C. nước qua tế bào lông hút của rễ. D. chất hữu cơ bởi quá trình tổng hợp của cây.
	Câu 8: Nhiệt độ thích hợp nhất cho quá trình quang hợp của cây xanh là bao nhiêu? A. 20-30°C. B. 25-30°C. C. 30-40°C. D. 25-40°C.
	Câu 9: Trong quá trình quang hợp, nước lấy từ đâu? A. Được rễ hút từ đất, theo mạch gỗ lên thân, lá. B. Do lá lấy từ đất lên. C. Cùng với các muối khoáng được rễ chuyển lên theo mạch rây sẽ tổng hợp thành các chất hữu cơ khác rồi được vận chuyển đến các bộ phận khác của cây. D. Từ không khí, hấp thụ vào lá qua các lỗ khí
	Câu 10: Đặc điểm nào của lá giúp lá nhận được nhiều ánh sáng? A. Phiến lá có dạng bản mỏng. B. Lá có màu xanh. C. Lá có cuống lá. D. Lá có tính đối xứng.
	Câu 11: Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau : Từ tinh bột cùng ..., lá cây còn chế tạo được nhiều loại hữu cơ khác cần thiết cho cây. A. muối khoáng. B. nước. C. Oxygen. D. vitamin
	Câu 12: Dẫn nước cho quá trình quang hợp và dẫn các sản phẩm quang hợp đến các cơ quan khác là nhiệm vụ của A. gân lá. B. tế bào biểu bì lá. C. lục lạp. D. khí khổng.
	Câu 13: Thân non của cây (có màu xanh lục) có quang hợp được không? Vì sao ? A. Có. Vì thân non cũng chứa chất diệp lục như lá cây. B. Không. Vì thân non chỉ làm nhiệm vụ vận chuyển chất dinh dưỡng. C. Có. Vì thân non cũng được cung cấp đầy đủ nước và muối khoáng. D. Không. Vì quá trình quang hợp chỉ diễn ra ở lá cây.

Thông hiểu	Câu 14: Cấu tạo ngoài nào của lá thích nghi với chức năng hấp thụ được nhiều ánh sáng? A. Có diện tích bề mặt lớn. B. Có cuống lá. C. Phiến lá nhỏ. D. Các khí khổng tập trung ở mặt dưới.
	Câu 15: Chọn nội dung phù hợp để hoàn thành sơ đồ sau: $? + ? \xrightarrow[\text{Chất diệp lục}]{\text{Ánh sáng}} ? + ?$ A. Nước, khí carbon dioxide, glucose, khí oxygen. B. Nước, khí oxygen, glucose, khí carbon dioxide. C. Khí carbon dioxide, glucose, nước, khí oxygen. D. Glucose, khí oxygen, nước, khí carbon dioxide.
	Câu 16: Trong các yếu tố dưới đây, có bao nhiêu yếu tố ảnh hưởng đến quá trình quang hợp ở cây xanh ? 1. Ánh sáng. 2. Nhiệt độ. 3. Nước. 4. Hàm lượng khí carbon dioxide. A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.
	Câu 17: Quá trình chuyển hóa năng lượng trong quang hợp thường diễn ra như thế nào? A. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến lục lạp, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây. B. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến rễ cây, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây. C. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến cành cây, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây. D. Năng lượng từ ánh sáng mặt trời đến tất cả các bộ phận của cây, chuyển hóa thành năng lượng hóa học tích lũy trong chất hữu cơ ở lá cây.
	Câu 18: Trong quá trình quang hợp, vật chất được biến đổi như thế nào? A. Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất hữu cơ và oxygen. B. Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất vô cơ và oxygen. C. Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất hữu cơ và carbon dioxide. D. Vật chất từ môi trường ngoài được vận chuyển đến lục lạp ở lá cây, biến đổi hóa học tạo ra chất vô cơ và carbon dioxide.
	Câu 19: Cho các nhận định sau: 1. Cung cấp khí oxygen cho quá trình hô hấp của con người. 2. Giúp điều hòa khí hậu. 3. Cân bằng hàm lượng khí oxygen và khí carbon dioxide trong khí quyển.

	4. Tạo ra các hợp chất hữu cơ, cung cấp thức ăn, thực phẩm cho con người. 5. Chống xói mòn và sạt lở đất. Nhận định chính xác khi nói về ý nghĩa của quang hợp đối với sự sống trên Trái Đất là: A. 1, 2, 3, 4. B. 1, 2, 3, 4, 5. C. 1, 2, 3, 5. D. 1, 2, 4, 5.
Vận dụng	Câu 20: Nhóm nào dưới đây gồm những cây ưa bóng? A. Trầu không, hoàng tinh, diếp cá, lá lốt. B. Rau bợ, cây đước, khoai tây, đậu xanh. C. Xà cừ, xương rồng, thanh long, rau má. D. Ngô, dứa, cải thảo, dứa.
	Câu 21: Vì sao trong nông nghiệp để tăng năng suất cây Thanh long, người ta thường dùng đèn chiếu sáng vào ban đêm? A. Vì giúp tăng cường độ quang hợp của cây từ đó tăng tổng hợp chất hữu cơ → tăng năng suất cây trồng. B. Vì giúp tăng cường độ thoát hơi nước của cây từ đó tăng hút nước từ rễ → tăng năng suất cây trồng. C. Vì giúp tăng cường độ hô hấp của cây từ đó tăng tổng hợp chất hữu cơ của loài cây đó → tăng năng suất cây trồng. D. Vì giúp cây rút ngắn thời gian sinh trưởng, phát triển, mau thu hoạch → tăng năng suất cây trồng.
	Câu 22: Trong các phát biểu sau: - Cung cấp nguồn chất hữu cơ làm thức ăn cho sinh vật dị dưỡng. - Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, dược liệu cho Y học. - Cung cấp năng lượng duy trì hoạt động sống của sinh giới. - Điều hòa trực tiếp lượng nước trong khí quyển. - Điều hòa không khí. Có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của quang hợp ? A. 4. B. 3. C. 2. D. 5.
	Câu 23: Đặc điểm nào của lá cây phù hợp với chức năng quang hợp? - Lá cây dạng bản dẹt giúp thu nhận được nhiều ánh sáng. - Các tế bào ở lớp giữa của lá có nhiều lục lạp. - Lục lạp chứa chất diệp lục thu nhận ánh sáng dùng cho tổng hợp chất hữu cơ của lá cây. - Khí khổng phân bố trên bề mặt của lá có vai trò chính trong quá trình trao đổi khí và thoát hơi nước. - Gân lá (mạch dẫn) có chức năng vận chuyển nước đến lục lạp và vận chuyển chất hữu cơ từ lục lạp về cuống lá, từ đó vận chuyển đến các bộ phận khác của cây. Số đáp án đúng là A. 5. B. 4. C. 3.

D. 2.
Câu 24: Nhận định nào sau đây đúng? A. Ở điều kiện cường độ ánh sáng cao, tăng nồng độ CO₂ thuận lợi cho quang hợp. B. Ở điều kiện cường độ ánh sáng thấp, giảm nồng độ CO₂ thuận lợi cho quang hợp. C. Ở điều kiện cường độ ánh sáng thấp, tăng nồng độ CO₂ thuận lợi cho quang hợp. D. Ở điều kiện cường độ ánh sáng cao, giảm nồng độ CO₂ thuận lợi cho quang hợp.
Câu 25: Cho các đặc điểm sau: 1. Thường mọc ở những nơi quang đãng 2. Phiến lá thường nhỏ 3. Lá thường có màu xanh sẫm 4. Lá thường có màu xanh sáng 5. Thường mọc dưới tán cây khác 6. Phiến lá thường rộng Những đặc điểm của cây ưa ánh sáng yếu là: A. 3, 5, 6. B. 1, 2, 4. C. 1, 2, 3. D. 2, 3, 5.
Câu 26: Tại sao trong sản xuất nông nghiệp, muốn cây cho năng suất cao thì chúng ta không nên trồng với mật độ quá dày? A. Vì trồng cây quá dày sẽ khiến cho cây sinh trưởng, phát triển kém do phải san sẻ nguồn ánh sáng, nước và chất dinh dưỡng cho các cây mọc lân cận. B. Vì trồng cây quá dày sẽ làm cản trở khả năng hút nước và muối khoáng của cây. C. Vì khi trồng cây quá dày, các cây gần nhau sẽ có hiện tượng liên rễ và cây bị bệnh dễ phát tán tác nhân gây bệnh cho những cây xung quanh. D. Vì trồng cây quá dày sẽ tốn nhiều công chăm sóc.
Câu 27: Khi nuôi cá cảnh trong bể kính, có thể làm tăng đường khí cho cá bằng cách nào? A. Thả rong vào bể cá. B. Tăng nhiệt độ trong bể. C. Thắp đèn cả ngày đêm. D. Đổ thêm nước vào bể cá.
Câu 28: Cần trồng cây đúng thời vụ vì A. cây sẽ được thỏa mãn được những đòi hỏi về các điều kiện bên ngoài giúp cho sự phát triển của cây. B. cây sẽ có nhiệt độ thích hợp cho sự phát triển của cây. C. cây sẽ có ánh sáng thích hợp cho sự phát triển của cây. D. cây sẽ có hàm lượng nước thích hợp cho sự phát triển của cây.
Câu 29: Trên thực tế, để thích nghi với điều kiện sống tại môi trường sa mạc, lá của cây xương rồng đã biến đổi thành gai. Vậy cây xương rồng quang hợp chủ yếu bằng bộ phận nào sau đây? A. Thân cây. B. Lá cây. C. Rễ cây. D. Gai của cây.
Câu 30: Khi quan sát lá trên các cây, Minh nhận thấy các lá trên cây luôn xếp lệch nhau.

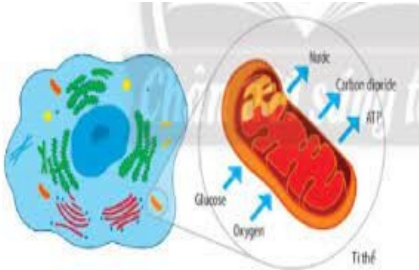
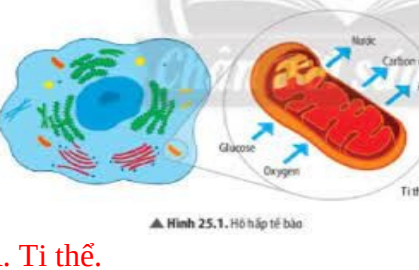
	Minh vô cùng thắc mắc tại sao lại như vậy? Em hãy chọn đáp án đúng để giải thích giúp Minh câu hỏi trên. A. Để các lá đều lấy được ánh sáng. B. Để phân biệt các loại lá với nhau. C. Để phân biệt lá non với lá già. D. Để lá không che lấp nhau.
	Câu 31: Vì sao trong nông nghiệp để tăng năng suất một số loại cây trồng người ta thường dùng đèn chiếu sáng vào ban đêm? A. Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ tăng thời gian chiếu sáng từ đó tăng cường độ quang hợp của cây trồng → Góp phần tăng năng suất. B. Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ tăng thời gian chiếu sáng từ đó giảm cường độ quang hợp của cây trồng → Góp phần tăng năng suất. C. Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ góp phần làm giảm sự xuất hiện của sâu bệnh hại → Góp phần tăng năng suất cây trồng. D. Vì khi chiếu sáng vào ban đêm sẽ góp phần làm giảm sự xuất hiện của sâu bệnh hại, giảm cường độ quang hợp → Góp phần tăng năng suất.
	Câu 32: Để quang hợp ở cây xanh diễn ra thuận lợi, chúng ta cần lưu ý điều nào dưới đây? A. Bón phân cho cây (bón lót, bón thúc), trồng cây ở nơi có đủ ánh sáng và tưới tiêu hợp lý. B. Trồng cây ở nơi có ít ánh sáng, bón nhiều phân cho cây. C. Tưới tiêu hợp lý, trồng cây với mật độ dày. D. Bón phân cho cây, tưới nhiều lần nước trong ngày, trồng cây nơi ít ánh sáng.
BÀI 24: THỰC HÀNH CHỨNG MINH QUANG HỢP Ở CÂY XANH	
Nhận biết	Câu 1: Trong các hóa chất dùng cho thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh thuốc thử dùng để nhận biết tinh bột là... A. Iodine. B. que đóm. C. cồn 90 độ. D. nước cất.
	Câu 2: Dụng cụ không được dùng trong thí nghiệm để xác định có sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh là... A. cân điện tử. B. cốc thủy tinh. C. đèn cồn. D. giá đỡ.
	Câu 3: Trong thí nghiệm quang hợp ở cây xanh, tinh bột ở phần lá không bị giấy đen phản ứng với dung dịch Iodine thể hiện màu... A. xanh tím. B. vàng nhạt. C. nâu đen. D. xanh lục.
	Câu 4: Hóa chất không được dùng trong thí nghiệm để xác định có sự tạo thành tinh bột trong quá trình quang hợp ở cây xanh là A. nước muối sinh lý. B. dung dịch Iodine. C. cồn 90 độ.

	D. nước cất. Câu 5: Trong thí nghiệm (SGK hình 24.1, trang 114) chứng minh quang hợp giải phóng oxygen, điều kiện tiến hành thí nghiệm ở 2 cốc A, B là A. cốc A không được chiếu sáng, cốc B được chiếu sáng. B. cốc A được chiếu sáng, cốc B không được chiếu sáng. C. cả cốc A và B đều được chiếu sáng. D. cả cốc A và B đều không được chiếu sáng.
Thông hiểu	Câu 6: Trong thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp, mục đích của việc sử dụng băng giấy đen bịt kín một phần ở cả hai mặt lá là gì? A. Tạo điều kiện nhận được ánh sáng khác nhau ở các phần của lá. B. Giảm thoát hơi nước qua lá ở phần bị bịt kín. C. Đánh dấu lá được dùng làm thí nghiệm. D. Tạo điều kiện nhận được khí carbon dioxide khác nhau ở các phần của lá.
	Câu 7: Trong thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp, mục đích của việc đun cách thủy lá cây thí nghiệm bằng cồn 90 độ là gì? A. Tẩy hết chất diệp lục ra khỏi lá. B. Khử trùng cho lá. C. Giúp định hình lá dễ dàng hơn khi làm thí nghiệm. D. Giữ cho lá không bị phân hủy khi đun.
	Câu 8: Các bước thí nghiệm: 1. Dùng băng giấy đen bịt kín một phần lá ở cả hai mặt, đặt vào chỗ tối ít nhất 2 ngày. 2. Đun sôi cách thủy lá trong cồn 90 độ. 3. Đem ra chỗ nắng (ánh sáng đèn) 4 đến 8 giờ. 4. Ngắt lá, bỏ giấy đen, đun sôi trong nước sôi 60 giây. 5. Nhúng lá vào dung dịch Iodine. 6. Rửa sạch lá trong cốc nước ấm. Trình tự đúng các bước làm thí nghiệm chứng minh tinh bột được tạo thành trong quang hợp là A. 1-3-2-4-6-5. B. 1-3-2-4-5-6. C. 1-2-3-4-5-6. D. 1-2-4-3-5-6.
	Câu 9: Cho các nhận định sau: 1. Lá cây chế tạo tinh bột khi có ánh sáng. 2. Chỉ cần có khí carbon dioxide thì cây xanh đã chế tạo được tinh bột. 3. Trong quá trình quang hợp cây nhả ra khí Oxygen. 4. Trong quá trình quang hợp cây nhả ra khí carbon dioxide. 5. Quang hợp ở cây xanh chỉ tạo ra sản phẩm là tinh bột. Số nhận định đúng là A. 2 B. 3 C. 4 D. 5
	Câu 10: Trong thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh, hiện tượng xảy ra khi đưa que đóm vào miệng ống nghiệm là gì?

	A. Que đóm còn tàn đỏ bùng sáng hơn. B. Que đóm đang cháy bị tắt. C. Que đóm không có biểu hiện gì. D. Que đóm bùng cháy mạnh kèm theo tiếng nổ nhỏ.
	Câu 11: Cho một cành rong đuôi chó vào bình chứa nước. Đổ đầy nước vào một ống nghiệm sau đó úp ngược ống nghiệm vào cành rong đuôi chó sao cho không có bọt khí lọt vào. Để bình nước này ra chỗ có nắng thì sau một thời gian, người ta quan sát thấy hiện tượng gì? A. Bọt khí nổi lên và khí dần chiếm chỗ nước trong ống nghiệm. B. Nước trong bình chuyển dần sang màu hồng nhạt. C. Nước trong ống nghiệm chuyển màu xanh thẫm. D. Chất kết tủa màu trắng dần xuất hiện ở đáy ống nghiệm
Vận dụng	Câu 12: Nồng độ khí carbon dioxide và oxygen trong không khí được giữ ổn định nhờ vào đâu? A. Quá trình quang hợp ở thực vật. B. Quá trình hô hấp ở thực vật. C. Quá trình hô hấp ở động vật, con người. D. Quá trình thoát hơi nước ở thực vật.

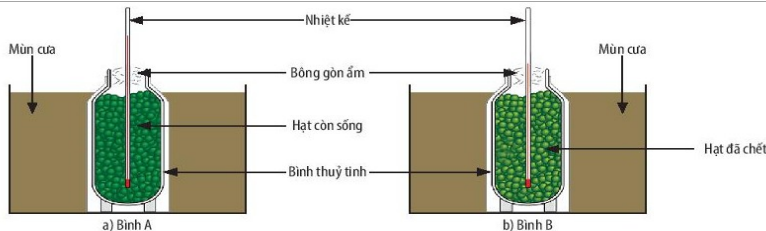
BÀI 25: HÔ HẤP TẾ BÀO

	Câu 1. Đoạn câu sau đây nói về khái niệm hô hấp tế bào: Hô hấp tế bào là quá trình tế bào ...(1)... chất hữu cơ tạo thành Carbon dioxide, nước, đồng thời giải phóng ...(2)...cung cấp cho các hoạt động sống của tế bào và cơ thể. Chỗ trống (1) và (2) lần lượt là: A. phân giải, năng lượng. B. tổng hợp, năng lượng. C. phân giải, Oxygen. D. tổng hợp, Oxygen.
Nhận biết	Câu 2. Ở tế bào nhân thực, hô hấp tế bào xảy ra ở thành phần cấu trúc nào của tế bào? A. Ti thể. B. Nhân tế bào. C. Lục lạp. D. Màng tế bào.
	Câu 3. Sản phẩm cuối cùng của quá trình hô hấp tế bào là gì? A. Nước + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt). B. Nước + Oxygen + Năng lượng (ATP + nhiệt). C. Glucose + Oxygen + Năng lượng (ATP + nhiệt). D. Glucose + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt).
	Câu 4. Nhiệt độ thuận lợi cho quá trình hô hấp tế bào ở đa số sinh vật trong khoảng bao nhiêu? A. 30°C - 35°C. B. 20°C - 25°C. C. 35°C - 40°C. D. 40°C - 45°C.
	Câu 5. Trong các sơ đồ chữ sau đây, sơ đồ nào thể hiện quá trình hô hấp tế bào? A. Glucose + Oxygen → Nước + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt). B. Glucose + Carbon dioxide → Nước + Oxygen + Năng lượng (ATP + nhiệt). C. Nước + Carbon dioxide → Glucose + Oxygen + Năng lượng (ATP + nhiệt). D. Nước + Oxygen → Glucose + Carbon dioxide + Năng lượng (ATP + nhiệt).
	Câu 6. Những chất nào sau đây là nguyên liệu của quá trình hô hấp tế bào? A Glucose và Oxygen. B. Glucose và Carbon dioxide. C. Nước và Carbon dioxide.

	D. Nước và Oxygen. Câu 7. Quan sát hình dưới đây, những chất nào sau đây tham gia vào quá trình hô hấp tế bào?  ▲ Hình 25.1. Hô hấp tế bào A. Glucose và Oxygen. B. Glucose và nước. C. Nước và Carbon dioxide. D. Nước và Oxygen.
	Câu 8. Quan sát hình dưới đây, hô hấp tế bào diễn ra ở thành phần nào của tế bào nhân thực?  ▲ Hình 25.1. Hô hấp tế bào A. Ti thể. B. Màng tế bào. C. Lục lạp. D. Nhân tế bào.
	Câu 9. Khi nói đến các yếu tố có ảnh hưởng đến hô hấp tế bào, phát biểu nào sau đây sai? A. Cường độ hô hấp tế bào tỉ lệ nghịch với hàm lượng nước trong tế bào. B. Nhiệt độ thuận lợi cho hô hấp tế bào ở đa số sinh vật khoảng 30°C - 35°C. C. Nồng độ Oxygen trong không khí giảm dưới 5% thì cường độ hô hấp tế bào giảm. D. Nồng độ Carbon dioxide trong không khí cao hơn 0,03% sẽ ức chế quá trình hô hấp. Câu 10. Những chất nào được tạo ra qua quá trình hô hấp tế bào? A. Nước, Carbon dioxide, năng lượng (nhiệt và ATP). B. Glucose, Carbon dioxide, năng lượng (nhiệt và ATP). C. Nước, Oxygen, năng lượng (nhiệt và ATP). D. Glucose, Oxygen, năng lượng (nhiệt và ATP).
Thông hiểu	Câu 11. Hô hấp tế bào có vai trò như thế nào đối với hoạt động sống của cơ thể sinh vật? A. Phân giải chất hữu cơ, giải phóng năng lượng cung cấp cho hoạt động sống của cơ thể. B. Tổng hợp chất hữu cơ, giải phóng Carbon dioxide cung cấp cho quá trình quang hợp. C. Phân giải chất hữu cơ giải phóng Oxygen cần thiết cho cơ thể sinh vật. D. Tổng hợp chất hữu cơ, giải phóng Oxygen cần thiết cho cơ thể sinh vật. Câu 12. Khi nói về yếu tố nước ảnh hưởng đến hô hấp tế bào, nhận định nào sau đây đúng? A. Hàm lượng nước trong tế bào tỉ lệ thuận với cường độ hô hấp. B. Hàm lượng nước trong tế bào tỉ lệ nghịch với cường độ hô hấp. C. Hàm lượng nước trong tế bào không ảnh hưởng đến cường độ hô hấp. D. Nước trong tế bào không ảnh hưởng đến các phản ứng trong hô hấp. Câu 13. Khi nói về mối quan hệ giữa tổng hợp và phân giải hợp chất hữu cơ trong tế bào, phát biểu nào sau đây sai? A. Tổng hợp và phân giải các chất trong tế bào là hai quá trình song song, không phụ thuộc lẫn nhau. B. Tổng hợp và phân giải các chất trong tế bào là hai quá trình trái ngược nhau, phụ thuộc lẫn nhau.

	C. Quá trình tổng hợp các chất trong tế bào cung cấp nguyên liệu cho quá trình phân giải. D. Quá trình phân giải các chất trong tế bào cung cấp năng lượng và nguyên liệu cho quá trình tổng hợp.
	Câu 14. Ở thực vật, hô hấp tế bào diễn ra ở bộ phận nào của cây? A. Các tế bào sống của cây. B. Tế bào ở rễ cây. C. Tế bào ở thân cây. D. Tế bào ở lá cây.
	Câu 15. Trong trồng trọt, bị ngập úng lâu ngày cây sẽ bị chết vì nguyên nhân nào sau đây? A. Hàm lượng Oxygen bị thiếu cho tế bào rễ cây hô hấp. B. Nhiệt độ không đủ cho quá trình hô hấp của rễ cây. C. Hàm lượng nước quá nhiều gây ức chế hô hấp tế bào ở rễ cây. D. Hàm lượng Carbon dioxide nhiều gây ức chế hô hấp ở tế bào rễ cây.
	Câu 16. Ở thực vật, quá trình hô hấp tế bào diễn ra vào thời gian nào trong ngày? A. Cả ngày và đêm. B. Vào ban ngày. C. Vào ban đêm. D. Khi có ánh sáng.
	Câu 17. Khi nói về hô hấp tế bào ở cơ thể sinh vật, phát biểu nào sau đây sai? A. Hô hấp tế bào tổng hợp chất hữu cơ cần thiết cho cây. B. Hô hấp tế bào giải phóng năng lượng dạng nhiệt. C. Hô hấp tế bào giải phóng năng lượng dạng ATP. D. Hô hấp tế bào giải phóng Carbon dioxide ra ngoài môi trường.
	Câu 18. Vì sao người ta thường bảo quản hạt giống bằng cách phơi khô hạt độ ẩm khoảng 11-15% ? A. Hạt khô cường độ hô hấp tế bào giảm, giúp hạt sống ở trạng thái tiềm sinh. B. Hạt khô cứng các sinh vật gây hại khó xâm nhập làm hỏng hạt. C. Hạt khô lượng nước giảm nên hạt nhẹ để bảo quản và vận chuyển. D. Hạt khô lượng nước giảm hạt không còn hoạt động hô hấp.
	Câu 19. Trong các trường hợp sau đây, hạt nào diễn ra sự hô hấp mạnh nhất? A. Hạt đang nảy mầm. B. Hạt phơi khô. C. Hạt đang để trong tủ lạnh. D. Hạt đã luộc chín.
	Câu 20. Quá trình hô hấp tế bào có ý nghĩa gì đối với đời sống sinh vật? A. Hô hấp tạo ra năng lượng cung cấp cho hoạt động của tế bào và cơ thể sinh vật. B. Hô hấp đảm bảo sự cân bằng nồng độ Oxygen và Carbon dioxide trong không khí. C. Hô hấp tạo ra sản phẩm nước có tác dụng điều hòa nhiệt độ cho tế bào và cơ thể sinh vật. D. Hô hấp tổng hợp chất hữu cơ cần thiết cho hoạt động sống của tế bào và cơ thể sinh vật.
	Câu 21. Trong trồng trọt, người ta thường làm đất tơi xốp nhằm mục đích quan trọng nào sau đây? A. Thoáng khí, trao đổi khí ở rễ cây thực hiện thuận lợi. B. Rễ cây bám sâu vào đất, giúp cây đứng vững. C. Rễ cây dễ dàng hút nước cung cấp đầy đủ cho cây. D. Rễ bám sâu vào đất hút nhiều muối khoáng cho cây.
	Câu 22. Biện pháp bảo quản thực phẩm bằng cách hút chân không là tác động đến yếu tố nào sau đây để giảm hô hấp? A. Giảm nồng độ Oxygen cho quá trình hô hấp. B. Giảm nồng độ Carbon dioxide trong tế bào. C. Giảm nhiệt độ trong tế bào. D. Tăng nhiệt độ trong tế bào.
Vận dụng	Câu 23. Biện pháp dùng túi polyethylene để bảo quản thực phẩm rau củ là tác động đến yếu tố nào sau đây nhằm hạn chế quá trình hô hấp tế bào ở thực phẩm? A. Tăng nồng độ Carbon dioxide trong tế bào.

	B. Giảm nồng độ Carbon dioxide trong tế bào. C. Tăng nồng độ Oxygen trong tế bào. D. Tăng nhiệt độ trong tế bào. Câu 24. Để bảo quản hạt giống người ta thường phơi khô hạt. Biện pháp này làm giảm yếu tố nào sau đây nhằm giảm quá trình hô hấp tế bào? A. Giảm lượng nước có trong hạt. B. Giảm nhiệt độ trong hạt. C. Giảm nồng độ Oxygen trong hạt. D. Giảm nồng độ Carbon dioxide trong hạt. Câu 25. Muốn bảo hạt giống ngũ cốc, người ta dùng biện pháp nào sau đây thuận lợi mà đảm bảo chất lượng hạt? A. Phơi hoặc sấy hạt giống đến độ ẩm hạt còn 11%-15%. B. Bảo quản hạt trong môi trường lạnh ở nhiệt độ 0°C - 5°C. C. Bảo quản hạt trong điều kiện nồng độ Oxygen cao. D. Bảo quản hạt trong điều kiện Carbon dioxide thấp. Câu 26. Ở thực vật, quá trình hô hấp tế bào diễn ra mạnh nhất ở bộ phận nào của cây? A. Rễ. B. Thân. C. Lá. D. Quả. Câu 27. Bảo quản hạt giống người ta dùng phương pháp thích hợp nào sau đây ? A. Phơi khô hạt tới độ ẩm khoảng 11%- 15 %. B. Cất giữ hạt trong điều kiện nhiệt độ 0°C. C. Cất giữ hạt trong điều kiện nồng độ Oxygen giảm dưới 5%. D. Bảo quản hạt bằng cách hút chân không. Câu 28. Ở người, hoạt động nào sau đây có tốc độ hô hấp tế bào xảy ra trong cơ thể nhanh nhất ? A. Người đang chạy bộ. B. Người đang đi bộ. C. Người đang đọc sách. D. Người đang ngủ. Câu 29. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển ở cây lúa, hô hấp mạnh trong giai đoạn nào sau đây? A. Hạt lúa đang nảy mầm. B. Cây phát triển. C. Cây trở bông. D. Lúa đang kết hạt. Câu 30. Yếu tố nào sau đây làm giảm hô hấp tế bào khi phơi khô hạt? A. Hàm lượng nước trong tế bào giảm. B. Hàm lượng Oxygen trong tế bào giảm. C. Hàm lượng Carbon dioxide trong tế bào giảm. D. Hàm lượng chất dinh dưỡng trong tế bào giảm.
CẤP ĐỘ	BÀI 26: THỰC HÀNH VỀ HÔ HẤP TẾ BÀO Ở THỰC VẬT THÔNG QUA SỰ NẢY MẦM CỦA HẠT
Nhận biết	Câu 1. Hình dưới đây mô tả một thí nghiệm về hô hấp ở thực vật. Phát biểu nào sau đây đúng?



▲ Hình 26.1. Mô phỏng kết quả thí nghiệm

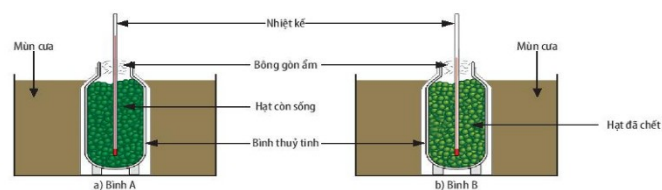
A. Đây là thí nghiệm chứng minh hô hấp tế bào có giải phóng năng lượng.

B. Đây là thí nghiệm chứng minh quá trình hô hấp tế bào có giải phóng ra Carbon dioxide

C. Đây là thí nghiệm chứng minh quá trình hô hấp tế bào có tiêu hao năng lượng.

D. Đây là thí nghiệm chứng minh quá trình hô hấp tế bào tạo ra hơi nước.

Câu 2. Hãy quan sát thí nghiệm hô hấp ở hạt đậu trong hình dưới đây.



▲ Hình 26.1. Mô phỏng kết quả thí nghiệm

Tại sao nhiệt độ trong bình A cao hơn nhiệt độ trong bình B?

A. Trong bình A hạt hô hấp giải phóng nhiệt, bình B hạt không thực hiện quá trình hô hấp.

B. Trong bình A hạt không thực hiện hô hấp, bình B hạt thực hiện quá trình hô hấp tạo ra nước nên nhiệt độ thấp.

C. Bình A cường độ hô hấp của hạt mạnh hơn nên giải phóng nhiều nhiệt hơn.

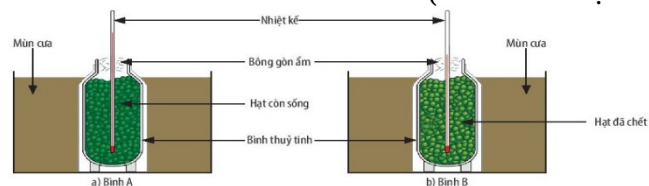
D. Bình B cường độ hô hấp của hạt mạnh hơn nên tạo ra nước làm nhiệt độ giảm hơn.

Câu 3. Khi thực hành thí nghiệm chứng minh hạt hô hấp sinh ra nhiệt lượng. Người ta tiến hành như sau:

- Ngâm 100 hạt đậu trong nước sôi khoảng 35°C - 40°C trong 4 -12 giờ, vớt ra để nguội rồi cho vào bình A.

- Luộc chín 100 hạt đậu, vớt ra để nguội rồi cho vào bình B.

(hình minh họa thí nghiệm)



▲ Hình 26.1. Mô phỏng kết quả thí nghiệm

Em hãy quan sát hình, chọn kết luận đúng?

A. Hạt trong bình A ngâm ở nhiệt độ thích hợp nên hạt hô hấp và có tạo ra nhiệt.

B. Hạt trong bình B đã luộc chín nên hạt hô hấp yếu và tạo ra ít nhiệt.

C. Hạt trong bình A hô hấp yếu nên nhiệt độ trong bình A cao.

D. Hạt trong bình B đã luộc chín nên nhiệt độ trong bình B cao.

**Thông
hiểu**

Câu 4. Ở thí nghiệm 2 SGK chân trời sáng tạo bài 26. Khi đưa nến đang cháy vào bình C thì nến tắt, rót nước vôi trong vào bình D thì nước vôi hóa đục. Điều này chứng tỏ:

A. hạt hô hấp đã hấp thụ khí Oxygen và thải ra khí Carbon dioxide.

B. hạt hô hấp đã hấp thụ khí Carbon dioxide và thải ra Oxygen.

C. hạt hô hấp đã hấp thụ khí Carbon dioxide và thải ra hơi nước.

D. hạt hô hấp đã hấp thụ nước và thải ra khí Oxygen.

**Vận
dụng**

Câu 5. Trước khi gieo hạt nên ngâm hạt từ 4 -12 giờ trong nước tùy vào loại hạt. Khoảng nhiệt độ nào của nước tốt nhất để ngâm hạt thuận lợi cho hạt nảy mầm ?

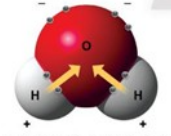
A. 30°C - 35°C .

B. 20°C - 25°C .

	C. 40°C - 45°C. D. 45°C - 50°C.
	BÀI 27: TRAO ĐỔI KHÍ Ở SINH VẬT
Nhận biết	Câu 1. Ở thực vật, quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường ngoài diễn ra vào thời gian nào? A. Cả ngày lẫn đêm. B. Khi có ánh sáng mặt trời. C. Vào ban ngày. D. Vào ban đêm.
	Câu 2. Các động vật nhóm giun trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây? A. Bề mặt cơ thể. B. Ống khí. C. Phổi. D. Mang.
	Câu 3. Ở cây hai lá mầm, khí khổng tập trung chủ yếu ở bộ phận nào của lá cây? A. Khí khổng tập trung chủ yếu ở biểu bì mặt dưới của lá. B. Khí khổng tập trung chủ yếu ở biểu bì mặt trên của lá. C. Khí khổng tập trung chủ yếu ở biểu bì hai mặt của lá. D. Khí khổng tập trung chủ yếu ở gân lá.
	Câu 4. Ở cây một lá mầm, khí khổng tập trung chủ yếu ở bộ phận nào của lá cây? A. Khí khổng tập trung ở biểu bì cả mặt trên và mặt dưới của lá. B. Khí khổng chủ yếu tập trung ở biểu bì mặt trên của lá. C. Khí khổng chủ yếu tập trung ở biểu bì mặt dưới của lá. D. Khí khổng chủ yếu tập trung ở gân lá.
	Câu 5. Ở động vật, các loài côn trùng trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào? A. Hệ thống ống khí. B. Mang. C. Bề mặt cơ thể. D. Phổi.
	Câu 6. Động vật đơn bào trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào? A. Bề mặt cơ thể. B. Phổi. C. Hệ thống ống khí. D. Mang.
	Câu 7. Động vật thuộc nhóm ruột khoang, trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào? A. Bề mặt cơ thể. B. Phổi. C. Hệ thống ống khí. D. Mang.
	Câu 8. Châu chấu trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây? A. Hệ thống ống khí. B. Phổi. C. Da. D. Mang.
	Câu 9. Nhóm động vật nào sau đây thực hiện trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua phổi? A. Bò sát. B. Ruột khoang. C. Chân khớp. D. Giun tròn.

	Câu 10. Ở người, nơi diễn ra sự trao đổi khí là: A. phế nang ở phổi. B. khoang mũi. C. khí quản. D. phế quản.
Thông hiểu	Câu 11. Khi nói về khí khổng ở lá cây, phát biểu nào sau đây sai? A. Khí tế bào thiếu nước khí khổng mở ra để lấy nước cần thiết cho tế bào. B. Thực vật trao đổi khí với môi trường chủ yếu qua khí khổng ở lá cây.. C. Sự đóng mở của khí khổng ảnh hưởng đến tốc độ trao đổi khí với môi trường. D. Khí khổng còn thực hiện chức năng thoát hơi nước cho cây.
	Câu 12. Khi nói về trao đổi khí ở sinh vật, phát biểu nào sau đây sai? A. Ở sinh vật, trao đổi khí là quá trình nhận khí Oxygen từ môi trường vào cơ thể và thải ra ngoài Carbon dioxide. B. Ở người, trao đổi khí thực hiện thông qua hoạt động hít vào và thở ra, các khí trao đổi diễn ra tại phế nang của phổi. C. Ở thực vật, trao đổi khí thực hiện qua quá trình quang hợp và hô hấp, các khí trao đổi chủ yếu qua khí khổng ở lá cây. D. Ở động vật đơn bào, trao đổi khí được thực hiện qua bề mặt cơ thể sinh vật.
	Câu 13. Khi nói về cấu tạo và chức năng của khí khổng ở lá cây, phát biểu nào sau đây sai? A. Khí khổng thực hiện chức năng hút nước cho cây khi cây thiếu nước. B. Khí khổng đóng mở giúp cây trao đổi khí với môi trường ngoài.. C. Khí khổng gồm hai tế bào hình hạt đậu úp vào nhau tạo khe khí khổng. D. Khí khổng mở to khi cây được chiếu sáng và cung cấp đủ nước.
	Câu 14. Trong quá trình hô hấp ở động vật, khí Oxygen từ môi trường ngoài vào cung cấp cho thành phần nào của cơ thể? A. Các tế bào của cơ thể. B. Các tế bào ở phổi. C. Các tế bào máu. D. Các tế bào ở cơ quan hô hấp..
	Câu 15. Khi dùng thực vật (hoa) để trang trí trong nhà, trường hợp nào sau đây sẽ gây hại đến sức khỏe con người? A. Đặt chậu hoa trong phòng ngủ kín. B. Đặt chậu hoa ở phòng khách. C. Đặt chậu hoa ở phòng học. D. Đặt chậu hoa ở phòng ăn.
	Câu 16. Dựa vào đặc điểm nào sau đây để phân biệt cá mới chết còn tươi? A. Mang cá còn đỏ. B. Vây cá còn nguyên. C. Vây cá còn đủ. D. Thân cá duỗi thẳng.
	Câu 17. Ở động vật đơn bào, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua bộ phận nào của cơ thể? A. Bề mặt cơ thể. B. Hệ thống ống khí. C. Phổi và túi khí. D. Da và túi khí.
Vận dụng	Câu 18. Giun đất thích hợp sống những nơi nào sau đây? A. Đất tơi, xốp, ẩm. B. Đất khô ráo. C. Đất ngập nước. D. Đất bùn lầy.

Câu 19. Động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua mang? A. Cua. B. Rắn. C. Chuột. D. Châu chấu.
Câu 20. Động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua phổi? A. Rắn. B. Cá chép. C. Tôm. D. Giun đũa.
Câu 21. Nhóm động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua phổi? A. Bò sát. B. Ruột khoang. C. Chân khớp. D. Giun tròn.
Câu 22. Nhóm động vật nào sau đây, trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường qua bề mặt cơ thể? A. Giun tròn. B. Cá. C. Chân khớp. D. Bò sát.
Câu 23. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua da? A. Giun đất. B. Tôm. C. Cá chép. D. Thằn lằn.
Câu 24. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua mang? A. Cá chép. B. Châu chấu. C. Gà. D. Thằn lằn.
Câu 25. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua phổi? A. Thằn lằn. B. Tôm. C. Cá chép. D. Giun đất.
Câu 26. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua phổi? A. Vịt. B. Châu chấu. C. Cá chép. D. Chuồn chuồn.
Câu 27. Trong các động vật sau đây, động vật nào trao đổi khí với môi trường qua hệ thống ống khí? A. Dế. B. Giun đất. C. Thằn lằn. D. Chim sâu.
Câu 28. Động vật thuộc nhóm côn trùng trao đổi khí với môi trường qua bộ phận nào sau đây? A. Hệ thống ống khí. B. Mang. C. Phổi. D. Bề mặt cơ thể.
Câu 29. Nhóm động vật lưỡng cư hô hấp bằng cơ quan nào? A. Da và phổi. B. Hệ thống ống khí.

	C. Phổi và túi khí. D. Da và túi khí.
	BÀI 28: VAI TRÒ CỦA NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ SINH VẬT.
Nhận biết	Câu 1. Khi nói về tính chất của nước, phát biểu nào sau đây sai? A. Nước là dung môi có khả năng hòa tan tất cả các chất rắn, lỏng, khí. B. Nước là chất lỏng hình dạng không xác định, không màu, không mùi, không vị. C. Nước có tính chất dẫn điện và dẫn nhiệt, sôi ở 100°C, đông đặc ở 0°C. D. Nước có tính chất phân cực nên các phân tử nước hút lẫn nhau và hút các phân tử phân cực khác.
Nhận biết	Câu 2. Quan sát hình cấu trúc phân tử nước, phát biểu nào sau đây đúng?  ▲ Hình 28.1. Cấu trúc của phân tử nước A. Mỗi phân tử nước gồm một nguyên tử Oxygen liên kết với hai nguyên tử Hydrogen bằng liên kết cộng hóa trị. B. Mỗi phân tử nước gồm nguyên tử Oxygen và nguyên tử Hydrogen liên kết với nhau bằng liên kết cộng hóa trị. C. Mỗi phân tử nước gồm hai nguyên tử Hydrogen liên kết với nhau và liên kết với một nguyên tử Oxygen bằng liên kết hóa trị. D. Mỗi phân tử nước gồm một nguyên tử Hydrogen liên kết với hai nguyên tử Oxygen bằng liên kết cộng hóa trị. Câu 3. Nhóm chất nào sau đây cung cấp năng lượng cho cơ thể động vật? A. Carbohydrate, lipid và protein. B. Carbohydrate, vitamin và protein. C. Protein, vitamin, muối khoáng. D. Lipid, protein, muối khoáng. Câu 4. Chất dinh dưỡng nào sau đây có vai trò tham gia cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng cho cơ thể động vật? A. Carbohydrate. B. Lipid. C. Protein. D. Vitamin. Câu 5. Chất dinh dưỡng nào sau đây có vai trò tham gia cấu tạo màng sinh chất, cung cấp năng lượng cho cơ thể động vật? A. Lipid. B. Carbohydrate. C. Protein. D. Vitamin. Câu 6. Nguyên tố nào sau đây có vai trò quan trọng cấu tạo nên Protein và chất diệp lục trong tế bào cơ thể thực vật? A. Nitrogen.. B. Oxygen. C. Hydrogen D. Phosphorus. Câu 7. Nhóm các nguyên tố nào sau đây tham gia vào cấu tạo cơ thể thực vật? A. C, H, O, N, P. B. C, H, Fe, N, P. C. C, H, O, Zn, P. D. C, Cu, O, N, P. Câu 8. Nhóm các nguyên tố nào sau đây tham gia điều hòa các quá trình trao đổi chất trong cơ thể sinh vật?

	Fe, Zn, Cu, Mo. B. C, Zn, P, Mo. C. H, P, Cu, Mo. D. Fe, C, N, Mo.
	Câu 9. Nước chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm khối lượng cơ thể của sinh vật sống trên cạn? A. 70%. B. 50%. C. 60%. D. 80%.
	Câu 10. Câu nào sau đây không thể hiện vai trò của nước đối với cơ thể sinh vật? A. Cung cấp năng lượng cho cơ thể sinh vật. B. Điều hòa nhiệt độ cơ thể sinh vật. C. Dung môi hòa tan, vận chuyển các chất. D. Nguyên liệu và môi trường của các phản ứng chuyển hóa.
	Câu 11. Nhóm chất nào sau đây không cung cấp năng lượng nhưng rất cần thiết cho cơ thể động vật? A. Vitamin và muối khoáng. B. Carbohydrate và vitamin. C. Protein và muối khoáng. D. Lipid và protein.
Thông hiểu	Câu 12. Carbonhydrat có vai trò nào sau đây trong cơ thể sinh vật? A. Cấu tạo tế bào, cung cấp năng lượng cho cơ thể. B. Điều hòa các hoạt động sinh lí của tế bào. C. Xúc tác các hoạt động sinh lí của tế bào. D. Vận chuyển các chất dinh dưỡng trong cơ thể.
	Câu 13. Khi nói về vai trò của nước trong hô hấp, phát biểu nào sau đây sai? A. Nguyên liệu cung cấp năng lượng cho cơ thể. B. Điều hòa nhiệt độ cơ thể, vận chuyển các chất. C. Xúc tác các hoạt động sinh lí của tế bào. D. Là môi trường diễn ra các phản ứng chuyển hóa.
	Câu 14. Khi nhiệt độ ngoài môi trường nóng, cơ thể người toát mồ hôi. Trường hợp này thể hiện vai trò nào sau đây của nước đối với cơ thể? A. Điều hòa thân nhiệt. B. Vận chuyển các chất. C. Dung môi hòa tan các chất. D. Môi trường diễn ra các phản ứng chuyển hóa.
	Câu 15. Nước là môi trường sống duy nhất cho nhóm động vật nào dưới đây? A. Cá. B. Giun. C. Chim. D. Thú.
	Câu 16. Nhóm chất dinh dưỡng nào sau đây cung cấp năng lượng nhiều nhất cho cơ thể động vật? A. Carbohydrate. B. Protein. C. Lipid. D. Vitamin và muối khoáng.
	Câu 17. Vì sao người ta phơi khô thực phẩm thì khối lượng thực phẩm giảm đi? A. Nước trong tế bào của thực phẩm thoát ra ngoài. B. Chất dinh dưỡng trong thực phẩm mất đi. C. Các muối khoáng trong tế bào thực phẩm thoát ra ngoài. D. Các tế bào của thực phẩm mất đi.
	Câu 18. Trong trồng trọt cây biểu hiện sinh trưởng kém, thân còi cọc, ít đẻ nhánh, lá màu nhạt và

Vận dụng	rụng sớm là do thiếu nguyên tố dinh dưỡng nào sau đây? A. Nitrogen. B. Phosphorus. C. Manganese D. Calcium.
	Câu 19. Ở người, bệnh bướu cổ là do cơ thể thiếu nguyên tố nào sau đây? A. Iodine. B. Calcium. C. Iron. D. Zinc.
	Câu 20. Khi bệnh nhân bị tiêu chảy hoặc sốt, Bác sĩ khuyên nên uống dung dịch Oresol có tác dụng gì? A. Bổ sung nước và chất điện giải cho cơ thể. B. Điều hòa nhiệt độ cơ thể. C. Bổ sung chất dinh dưỡng cho cơ thể. D. Thuốc có tác dụng điều trị bệnh.
	Câu 21. Ở trẻ bệnh còi xương là do nguyên nhân cơ thể thiếu vitamin nào sau đây? A. Vitamim D. B. Vitamim A. C. Vitamim C. D. Vitamim B.
	Câu 22. Ở người bệnh quáng gà là do cơ thể thiếu Vitamin nào sau đây? A. Vitamim A. B. Vitamim D. C. Vitamim C. D. Vitamim B.
	Câu 23. Trước khi gieo hạt, người ta thường làm cách nào sau đây để hạt mau nảy mầm? A. Ngâm hạt trong nước hoặc nước ấm từ 4 - 12 giờ tùy loại hạt. B. Ngâm hạt trong nước có pha muối từ 4 - 12 giờ tùy loại hạt. C. Ngâm hạt trong nước đá từ 4 - 12 giờ tùy loại hạt. D. Ngâm hạt trong nước có hòa tan phân bón từ 4- 12 giờ tùy loại hạt.
	Câu 24. Cho các biện pháp rèn luyện cơ thể sau: 1. Tập thể dục thường xuyên. 2. Luyện tập hít thở sâu đúng cách. 3. Cung cấp đủ nước cho cơ thể hàng ngày. 4. Cung cấp nhiều chất dinh dưỡng cho cơ thể. 5. Khẩu phần ăn chú ý có đủ các nhóm chất. 6. Khi đi ngoài nắng về nhà tắm ngay. Các biện pháp nào sau đây là biện pháp rèn luyện khoa học để có một cơ thể phát triển, khỏe mạnh? A. 1,2,3, 5. B. 1,2,4,5. C. 3,4,5,6. D. 1,2,3,6.

BÀI 29. TRAO ĐỔI NƯỚC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG Ở THỰC VẬT	
Nhận biết	Câu 1: Đối với các loại thực vật ở cạn, nước được hấp thụ chủ yếu là bộ phận nào sau đây? A. Lông hút ở rễ. B. Toàn bộ bề mặt cơ thể. C. Chóp rễ. D. Khí khổng.
	Câu 2: Thực vật thủy sinh hấp thụ nước qua...

	A. bề mặt cơ thể. B. lông hút ở rễ. C. lá. D. thân.
	Câu 3: Lông hút của rễ do tế bào nào phát triển thành? A. Tế bào biểu bì. B. Tế bào mạch gỗ ở rễ. C. Tế bào mạch rây ở rễ. D. Tế bào thịt vỏ
	Câu 4: Ở thực vật có mạch, nước được vận chuyển từ rễ lên lá chủ yếu theo con đường nào sau đây? A. Mạch gỗ B. Mạch rây C. Tế bào chất D. Mạch gỗ và mạch rây
	Câu 5: Chất không có trong thành phần của dịch mạch rây là... A. nước và muối khoáng. B. chất hữu cơ và hormone. C. ATP, Vitamin. D. Vitamin, hormone.
	Câu 6: Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thoát hơi nước và muối khoáng của cây là A. ánh sáng, nhiệt độ, độ tơi xốp của đất, độ ẩm, hàm lượng khoáng, độ pH của đất. B. nhiệt độ, độ tơi xốp của đất, độ ẩm, độ pH của đất. C. ánh sáng, hàm lượng khoáng, độ pH của đất. D. độ ẩm, hàm lượng khoáng, độ pH của đất.
	Câu 7: Quá trình thoát hơi nước ở lá cây chủ yếu diễn ra ở bộ phận nào? A. Khí khổng. B. Tế bào thịt lá. C. Lục lạp. D. Gân lá.
	Câu 8: Rễ cây hấp thụ tốt phần lớn các chất ở độ pH là A. 6 - 6,5. B. 7,5 - 8. C. 5 - 5,5. D. 7 - 7,5.
Thông hiểu	Câu 9: Cho các nhận định về vai trò của nước như sau: 1. Là thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào và cơ thể. 2. Là nguyên liệu để tổng hợp các chất hữu cơ trong quang hợp. 3. Là dung môi hòa tan nhiều chất. 4. Góp phần vận chuyển các chất và điều hòa thân nhiệt. Số nhận định đúng là A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.
	Câu 10: Khi nói về quá trình vận chuyển các chất trong cây, phát biểu nào sau đây đúng? A. mạch gỗ vận chuyển các chất từ rễ lên lá, mạch rây thì vận chuyển các chất từ lá xuống rễ. B. vận chuyển trong mạch gỗ là chủ động và vận chuyển trong mạch rây là bị động. C. dòng mạch gỗ luôn những chuyển chất vô cơ, dòng mạch rây luôn vận chuyển chất hữu cơ. D. mạch gỗ vận chuyển đường glucose, mạch rây thì vận chuyển chất hữu cơ khác.
	Câu 11: Chọn nội dung không phải là vai trò của thoát hơi nước đối với cây? A. Tạo lực hút để vận chuyển nước và các chất từ rễ lên thân lá trong mạch rây. B. Tạo lực hút để vận chuyển nước và các chất từ rễ lên thân lá trong mạch gỗ. C. Giúp lá cây không bị đốt nóng dưới tác động của ánh sáng mặt trời.

	D. Tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí ở thực vật Câu 12: Ở thực vật, sự vận chuyển chất nào dưới đây thường diễn ra ngược chiều trọng lực? A. Nước và muối khoáng. B. Chất hữu cơ và muối khoáng. C. Chất hữu cơ và nước. D. Nước, chất hữu cơ và muối khoáng. Câu 13: Cho các nhận định sau: 1. Hoạt động đóng - mở của khí khổng có vai trò điều chỉnh tốc độ thoát hơi nước và tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí ở lá. 2. Mạch gỗ chủ yếu vận chuyển chất hữu cơ được tổng hợp ở lá đến các bộ phận. 3. Mạch rây vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá. 4. Nước và muối khoáng từ đất được rễ hấp thụ trực tiếp vào tế bào mạch gỗ rồi đến tế bào thịt vỏ. Số nhận định đúng là A. 1. B. 2. C. 3. D. 4. Câu 14: Chọn các từ/cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong câu sau: Nước và muối khoáng hòa tan trong đất được ...(1)... hấp thụ, sau đó được chuyển qua phần ...(2)... tới ...(3).... A. (1): lông hút; (2): thịt vỏ ; (3): mạch gỗ. B. (1): lông hút; (2): mạch rây; (3): mạch gỗ. C. (1): lông hút; (2): thịt vỏ; (3): mạch rây. D. (1): miền chóp rễ; (2): thịt vỏ; (3): mạch rây. Câu 15: Nhóm nào dưới đây gồm những tác nhân khiến cho nhu cầu nước của cây gia tăng ? A. Trời nhiều gió, nền nhiệt cao, độ ẩm thấp. B. Trời nhiều gió, nền nhiệt cao, độ ẩm cao. C. Trời lạnh gió, nền nhiệt thấp, độ ẩm thấp. D. Trời lạnh gió, nền nhiệt thấp, độ ẩm cao.
Vận dụng	Câu 16: Một cành hoa bị héo sau khi ngâm trong nước hoa bỗng tươi trở lại, hiện tượng trên phản ánh vai trò của bộ phận nào đối với đời sống thực vật? A. Mạch gỗ. B. Mạch rây. C. Ruột. D. Thịt vỏ. Câu 17: Trong các biện pháp sau: (1) Phơi ải đất, cày sâu, bừa kĩ. (2) Tưới nước đầy đủ và bón phân hữu cơ cho đất. (3) Giảm bón phân vô cơ và hữu cơ cho đất. (4) Vun gốc và xới đất cho cây. Có bao nhiêu biện pháp giúp cho quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở thực vật hiệu quả hơn? A. 3 B. 2. C. 1. D. 4. Câu 18: Khi đưa cây đi trồng nơi khác, để tránh cho cây không bị mất nước, người ta thường làm gì? A. Tia bột lá. B. Nhúng ngập cây vào nước. C. Cắt ngắn rễ. D. Tưới đẫm nước cho cây. Câu 19: Tại sao khi trời nắng, đứng dưới bóng cây thường có cảm giác mát mẽ, dễ chịu hơn khi sử dụng ô để che? A. Vì lá cây thoát hơi nước thường xuyên làm hạ nhiệt độ môi trường xung quanh tán lá.

	B. Vì lá cây tạo bóng mát nơi ta đứng. C. Vì cây hô hấp thải ra nhiều khí oxygen cho ta cảm giác dễ chịu. D. Vì cây quang hợp tạo ra nhiều hơi nước.
	Câu 20: Người ta thường tưới nước nhiều hơn cho cây trồng vào những ngày mùa hè nóng bức vì: 1. Khi nhiệt độ tăng cao, cây phải thoát nước liên tục để hạ nhiệt môi trường xung quanh. 2. Để hạn chế sự mất nước, duy trì sự ổn định của các hoạt động quang hợp và hô hấp ở cây. 3. Chỉ cần tưới nước cho cây vào mùa hè. 4. Giúp cây hô hấp tốt hơn. Số nhận định đúng là A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.
	Câu 21: Chọn nội dung không phải là biện pháp tưới nước hợp lí cho cây: A. Tưới nước cho cây càng nhiều càng tốt. B. Xác định đúng loài cây và thời kì sinh trưởng: cây ưa nước hay ưa cạn, cây đang đâm chồi hay sắp thu hoạch được,... C. Tìm hiểu về đất trồng: đất thịt, đất cát không nên tưới quá nhiều nước,... D. Tưới đúng thời tiết: mùa mưa tưới ít, mùa khô tưới nhiều,...
	Câu 22: Tại sao người ta thường khoét lỗ bên dưới đáy các chậu dùng để trồng cây? A. Thoát lượng nước thừa khi tưới nước nhiều → không gây thối rễ, chết cây. B. Cho rễ cây dễ hô hấp. C. Rễ cây lấy nước từ đất thông qua lỗ khoét ở chậu. D. Để bưng đi khi di chuyển chậu cây từ nơi này sang nơi khác.

CẤP ĐỘ	Câu hỏi đáp án
BÀI 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật	
Nhận biết	Câu 1. Cho các yếu tố sau: 1. Loài. 2. Kích thước cơ thể. 3. Độ tuổi. 4. Thức ăn. 5. Nhiệt độ của môi trường. Trong các yếu tố kể trên, yếu tố nào ảnh hưởng đến nhu cầu nước của cơ thể động vật và người. A. 1, 2, 3, 4, 5. B. 1, 2, 4, 5. C. 1, 3, 4, 5. D. 1, 2, 3, 4.
	Câu 2. Trung bình mỗi ngày một người trưởng thành cần khoảng bao nhiêu nước? A. 2 lít. B. 2,5 lít. C. 3,5 lít. D. 1 lít.
	Câu 3. Nhu cầu nước của voi trưởng thành mỗi ngày khoảng bao nhiêu lít nước? A. 300 lít. B. 100 lít. C. 200 lít.

CẤP ĐỘ	Câu hỏi đáp án
	D. 400 lít. Câu 4. Cơ thể chúng ta thông thường bổ sung nước bằng cách A. qua thức ăn và đồ uống. B. qua tiêu hóa và hô hấp. C. qua sữa và trái cây. D. qua thức ăn và sữa. Câu 5. Con đường vận chuyển các chất trong ống tiêu hóa của người có trình tự như thế nào? A. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → trực tràng → hậu môn. B. Miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → trực tràng → ruột già → hậu môn. C. Miệng → dạ dày → thực quản → ruột non → ruột già → trực tràng → hậu môn. D. Miệng → thực quản → ruột non → dạ dày → ruột già → trực tràng → hậu môn. Câu 6. Nước trong cơ thể con người có thể bị mất đi qua những hoạt động nào? A. Hô hấp, thoát hơi nước qua da, toát mồ hôi, bài tiết nước tiểu và phân. B. Hô hấp. C. Qua da. D. Bài tiết nước tiểu và phân. Câu 7. Cơ quan nào trong ống tiêu hoá ở người là nơi thu nhận và nghiền nhỏ thức ăn? A. Miệng. B. Dạ dày. C. Ruột non. D. Ruột già. Câu 8. Nơi phình to nhất của ống tiêu hoá ở người là A. dạ dày. B. ruột non. C. trực tràng. D. hậu môn. Câu 9. Cơ quan nào trong ống tiêu hoá thực hiện nhiệm vụ hấp thụ các chất dinh dưỡng vào máu? A. Ruột non. B. Ruột già. C. Dạ dày. D. Trực tràng.
Thông hiểu	Câu 10. Con đường trao đổi nước ở động vật và người bao gồm mấy giai đoạn? A. 3. B. 2. C. 1. D. 4. Câu 11. Nhu cầu dinh dưỡng ở động vật là A. lượng thức ăn mà động vật cần thu nhận hằng ngày để xây dựng cơ thể và duy trì sự sống. B. lượng thức ăn và nước uống mà động vật cần thu nhận hằng ngày để xây dựng cơ thể và duy trì sự sống. C. lượng thức ăn và nước uống mà động vật cần thu nhận hằng ngày để duy trì sự sống. D. lượng thức ăn và nước uống mà động vật cần thu nhận hằng ngày để xây dựng cơ thể. Câu 12. Động vật dinh dưỡng chủ yếu bằng hình thức A. dị dưỡng.

CẤP ĐỘ	Câu hỏi đáp án
	B. tự dưỡng. C. hóa dị dưỡng. D. quang tự dưỡng. Câu 13. Con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở người diễn ra qua các giai đoạn: A. thu nhận, biến đổi thức ăn; hấp thụ các chất dinh dưỡng và thải các chất cặn bã. B. thu nhận và hấp thụ. C. thu nhận và tiêu hoá. D. thu nhận và thải các chất cặn bã. Câu 14. Hệ tuần hoàn nhận những chất nào từ hệ hô hấp? A. Oxygen và carbon dioxide. B. Các chất dinh dưỡng. C. Oxygen. D. Carbon dioxide. Câu 15. Các chất dinh dưỡng được hệ tuần hoàn vận chuyển đến đâu trong cơ thể? A. Các tế bào. B. Dạ dày. C. Ruột non. D. Ruột già. Câu 16. Các chất khí thải được hệ tuần hoàn vận chuyển đến đâu trong cơ thể để đưa ra bên ngoài? A. Phổi. B. Tim. C. Hậu môn. D. Da. Câu 17. Con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở người diễn ra qua mấy giai đoạn chính? A. 4 giai đoạn B. 3 giai đoạn. C. 2 giai đoạn. D. 1 giai đoạn. Câu 18. Hệ tuần hoàn nhận những chất nào từ hệ tiêu hoá? A. Các chất dinh dưỡng B. Hormone. C. Oxygen. D. Carbon dioxide. Câu 19. Hoạt động hấp thụ các chất dinh dưỡng được thực hiện thông qua: A. Hoạt động của ruột non thuộc hệ tiêu hoá. B. Hoạt động của ruột già thuộc hệ tiêu hóa. C. Hoạt động của dạ dày thuộc hệ tiêu hoá. D. Hoạt động của khoang miệng thuộc hệ tiêu hoá. Câu 20. Nguyên sinh vật (trùng roi, trùng giày,...) chưa có hệ vận chuyển nên các chất được trao đổi trực tiếp với môi trường qua A. thành cơ thể. B. hệ tuần hoàn.

CẤP ĐỘ	Câu hỏi đáp án
	C. hệ hô hấp. D. hệ bài tiết.
Vận dụng	Câu 21. Trong trường hợp nào sau đây con người cần phải truyền nước? A. Khi bị sốt cao hoặc bị tiêu chảy. B. Khi bị sốt cao hoặc đau dạ dày. C. Khi bị sốt cao hoặc làm việc mệt nhọc. D. Khi bị tiêu chảy hoặc làm việc mệt nhọc.
	Câu 22. Lượng nước và thời điểm bổ sung nước cho cơ thể hợp lí là: A. lượng vừa, trước và sau khi tập thể dục. B. lượng nhiều, lúc khát nước. C. lượng nhiều, trước khi đi ngủ. D. lượng nhiều, trong lúc ăn.
	Câu 23. Vì sao chúng ta cần cung cấp đủ nước cho cơ thể khi trời nóng hoặc khi vận động mạnh? A. Vì khi đó lượng nước thoát ra môi trường nhiều qua hoạt động toát mồ hôi. Do vậy, cần cung cấp đủ nước cho cơ thể để cân bằng lượng nước đã mất đi. B. Vì khi đó cơ thể nóng lên rất nhiều. Do đó, cần uống nhiều nước để làm mát cơ thể. C. Vì khi đó cơ thể nóng lên và cần nhiều năng lượng. Do đó, cần uống nhiều nước để chống mệt mỏi, hạn chế tối đa hiện tượng toát mồ hôi. D. Vì khi đó cơ thể cần nhiều chất dinh dưỡng. Do đó, cần uống nhiều nước để tăng cường quá trình thu nhận và chuyển hóa chất dinh dưỡng trong cơ thể.
	Câu 24 .Thứ tự tăng dần về nhu cầu nước của các loài động vật. A. Voi, trâu, lợn, dê, thỏ, lầy. B. Trâu, voi, lợn, dê, thỏ, lầy. C. Lợn, voi, trâu, dê, thỏ, lầy. D. Dê, trâu, lợn, thỏ, lầy, voi.
	Câu 25. Vì sao mỗi người cần phải có chế độ dinh dưỡng phù hợp? A. Vì nhu cầu dinh dưỡng của mỗi người là khác nhau tùy thuộc vào độ tuổi, giới tính, trạng thái sinh lí B. Vì mỗi người có mức sống khác nhau. C. Vì thói quen ăn uống của khác nhau của mỗi người. D. Do văn hoá vùng miền nên chế độ dinh dưỡng cũng không giống nhau.
	Câu 26: Trong các biện pháp dưới đây đâu là biện pháp bảo vệ hệ tuần hoàn? A. Không ăn quá nhiều thức ăn có chứa mỡ động vật. B. Không làm việc hay vận động mạnh ngay sau khi ăn. C. Ăn đúng giờ, đúng bữa. D. Không ăn vụn vụn, nhai không kĩ khi ăn.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
BÀI 31: THỰC HÀNH CHỨNG MINH THÂN VẬN CHUYỂN NƯỚC VÀ LÁ THOÁT HƠI NƯỚC	
Nhận biết	Câu 1. Tại sao chúng ta nên chọn hoa màu trắng để làm thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước? A. Dễ quan sát hiện tượng xảy ra. B. Hoa màu trắng dễ kiếm. C. Chỉ hoa màu trắng mới làm được thí nghiệm. D. Thân của cây hoa màu trắng mới vận chuyển được nước.
	Câu 2. Trong thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước tại sao nên cắt bớt cành hoa? A. Thời gian làm thí nghiệm nhanh hơn. B. Cho kết quả thí nghiệm chính xác hơn. C. Dễ quan sát hơn. D. Mẫu vật nhìn sẽ gọn gàng hơn.
	Câu 3. Trong thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước; khi quan sát màu sắc cánh hoa ở 2 cốc thấy xuất hiện hiện tượng gì? A. Xuất hiện những vệt màu giống với màu cốc nước màu B. Không có sự thay đổi về màu sắc. C. Xuất hiện những vệt màu khác với màu cốc nước màu. D. Có cánh hoa xuất hiện những vệt màu giống với màu cốc nước, có cánh lại không có sự thay đổi màu sắc.
Thông hiểu	Câu 4. Trong thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước; vị trí của dung dịch màu trên lát cắt ngang cành hoa là ở đâu? A. Ở phần mạch dẫn của thân. B. Ở phần lõi của thân. C. Ở phần vỏ của thân. D. Ở toàn bộ lát cắt ngang của thân.
	Câu 5. Trong thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước; dựa vào dấu hiệu nào để xác định lá có sự thoát hơi nước? A. Sự đổi màu giấy thấm từ xanh da trời thành màu hồng. B. Sự đổi màu giấy thấm từ màu hồng thành màu xanh. C. Sự đổi màu giấy thấm từ màu xanh da trời thành màu đỏ. D. Sự đổi màu giấy thấm từ màu đỏ thành màu vàng cam.
	Câu 6. Trong thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước; sự thay đổi màu sắc của giấy tẩm CoCl_2 ở mặt trên và mặt dưới lá như thế nào? A. Mặt dưới của lá có tốc độ chuyển màu nhanh hơn mặt trên. B. Mặt trên của lá có tốc độ chuyển màu nhanh hơn mặt dưới. C. Mặt trên có sự thay đổi màu, mặt dưới của lá thì không có sự thay đổi. D. Mặt dưới của lá có sự thay đổi màu mặt trên thì không có sự thay đổi.
Vận dụng	Câu 7. Tại sao những cây sống ở hoang mạc thường có đặc điểm lá biến đổi thành gai? A. Giảm sự thoát hơi nước qua lá. B. Giảm tiết diện tiếp xúc với môi trường. C. Ngăn cản sự tấn công của các loài động vật ăn lá. D. Phù hợp với môi trường xung quanh.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
BÀI 32: CẢM ỨNG Ở SINH VẬT	
Nhận biết	Câu 1. Cảm ứng ở sinh vật là A. khả năng cơ thể sinh vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. B. khả năng cơ thể sinh vật phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. C. khả năng cơ thể sinh vật tiếp nhận với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. D. khả năng cơ thể sinh vật tiếp nhận và biến đổi thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển.
	Câu 2. Khi đặt chậu cây bên trong cửa sổ, sau một thời gian thấy ngọn cây vươn ra phía ngoài cửa sổ. Đây là ví dụ mô tả quá trình nào của thực vật? A. Cảm ứng. B. Hô hấp. C. Thoát hơi nước. D. Quang hợp.
	Câu 3. Khi chạm tay vào cây trinh nữ, lá của cây lại cụp xuống. Hiện tượng này là A. sự cảm ứng của cây. B. sự phát triển của cây. C. sự sinh trưởng của cây. D. sự sinh sản của cây.
	Câu 4. Hiện tượng rễ cây hướng dương hướng về phía có nguồn nước. Đây là ví dụ mô tả quá trình nào của thực vật? A. Cảm ứng. B. Hô hấp. C. Thoát hơi nước. D. Quang hợp.
	Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về đặc điểm cảm ứng ở thực vật? A. Xảy ra chậm, khó nhận thấy. B. Xảy ra nhanh, dễ nhận thấy. C. Xảy ra chậm, dễ nhận thấy. D. Xảy ra nhanh, khó nhận thấy.
	Câu 6. Hiện tượng bắt mồi ở cây gọng vó: khi có côn trùng tiếp xúc, các lông tuyến của cây gọng vó phản ứng lại bằng cách uốn cong, giữ chặt và tiêu hoá con mồi. Đây là hiện tượng cảm ứng nào? A. Cảm ứng tiếp xúc. B. Cảm ứng con mồi. C. Cảm ứng hướng hoá. D. Cảm ứng hướng nhiệt.
	Câu 7. Trong rừng nhiệt đới, chúng ta có thể gặp nhiều cây dây leo quấn quanh những cây gỗ lớn và vươn lên cao. Đây là kết quả của A. hướng tiếp xúc. B. hướng sáng.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	C. hướng hóa. D. hướng nước. Câu 8. Cây mướp có xu hướng bám vào các giá thể để vươn lên cao. Đây là hiện tượng cảm ứng nào? A. Hướng tiếp xúc. B. Hướng hoá. C. Hướng nước. D. Hướng sáng.
Thông hiểu	Câu 9. “Khi chạm tay vào cốc nước nóng thì tay ta rút lại”. Hãy cho biết kích thích từ môi trường trong ví dụ này là gì và phản ứng của cơ là gì để trả lời kích thích? A. Khi đó kích thích từ môi trường là nhiệt độ và phản ứng trả lời là rút tay lại. B. Khi đó kích thích từ môi trường là cốc nước và phản ứng trả lời là rút tay lại. C. Khi đó kích thích từ môi trường là cốc nước và phản ứng trả lời là cảm giác nóng. D. Khi đó kích thích từ môi trường là nhiệt độ và phản ứng trả lời là cảm giác nóng. Câu 10. Đối với những loài cây ưa ánh sáng mạnh cần trồng như thế nào? A. Trồng ở những nơi quang đãng và mật độ thưa. B. Trồng ở những nơi quang đãng và mật độ dày C. Trồng ở dưới những tán cây khác và mật độ dày D. Trồng ở dưới những tán cây khác và mật độ thưa. Câu 11. Ở thực vật có những hình thức cảm ứng nào? A. hướng nước, hướng ánh sáng, hướng tiếp xúc, hướng hóa. B. hướng nước, hướng nhiệt, hướng tiếp xúc và hướng hóa. C. hướng nước, hướng nhiệt, hướng tiếp xúc và hướng dinh dưỡng. D. hướng nước, hướng ánh sáng, hướng tiếp xúc và hướng dinh dưỡng. Câu 12. Cho các nhận định sau: 1. Cảm ứng giúp sinh vật tồn tại, phát triển thích nghi với sự thay đổi của môi trường trong một thời gian nhất định. 2. Cảm ứng của thực vật thường diễn ra nhanh, biểu hiện bằng sự thay đổi hình thái hoặc sự vận động các cơ quan. 3. Cảm ứng của thực vật chỉ gồm 3 hình thức là hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc. 4. Cảm ứng ở động vật thường diễn ra với tốc độ nhanh hơn và dễ nhận thấy. Số nhận định đúng là : A. 2. B. 1. C. 4. D. 3. Câu 13. Đối với những loài cây ưa ẩm cần trồng như thế nào? A. Trồng ở những nơi có độ ẩm cao. B. Trồng ở những nơi khô ráo. C. Trồng ở dưới những tán cây khác và mật độ dày. D. Trồng ở dưới những tán cây khác và mật độ thưa. Câu 14. Khi trồng Thanh long để làm tăng năng suất người ta thường áp dụng biện pháp kĩ thuật phổ biến nào? A. Thắp đèn vào ban đêm.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	B. Trồng xen với cây trồng khác. C. Phun xịt thuốc bảo vệ thực vật nhiều. D. Sử dụng nhiều phân bón hoá học.
Vận dụng	Câu 15. Tại sao lại cần vun gốc cho cây khoai tây? A. Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và tránh ánh sáng của rễ. B. Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và hướng ánh sáng của rễ. C. Vì dựa trên cơ sở tránh đất và hướng ánh sáng của rễ. D. Vì dựa trên cơ sở tránh đất và tránh ánh sáng của rễ.
	Câu 16. Khi trồng mướp người ta thường làm dàn. Đây là ứng dụng dựa trên đặc điểm hình thức cảm ứng nào của cây? A. Tính hướng tiếp xúc. B. Tính hướng sáng. C. Tính hướng đất. D. Tính hướng nước.
	Câu 17. Do tính hướng hóa của thực vật, một số cây cần bón phân sát mặt đất gồm: A. cây lúa, cây ngô, cây dừa. B. cây lúa, cây cam, cây chanh. C. cây lúa, cây ngô, cây chanh. D. cây lúa, cây dừa, cây cam.
	Câu 18. Do tính hướng hóa của thực vật, một số cây cần bón phân bằng cách đào hố sâu dưới đất gồm: A. cây bưởi, cây cam, cây chanh. B. cây bưởi, cây lúa, cây ngô. C. cây lúa, cây ngô, cây dừa. D. cây tre, cây bưởi, cây cam.
	Câu 19. Trước khi trồng khoai lang người ta phải lên luống cao. Vì sao? A. Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và tránh ánh sáng của rễ. B. Vì dựa trên cơ sở tính hướng đất và hướng ánh sáng của rễ. C. Vì dựa trên cơ sở tránh đất và hướng ánh sáng của rễ. D. Vì dựa trên cơ sở tránh đất và tránh ánh sáng của rễ.
	Câu 20. Trong sản xuất nông nghiệp người ta thường trồng xen cây đỗ tương với cây ngô (bắp) là vì? A. Tận dụng triệt để nguồn sáng trên một đơn vị diện tích đất. B. Làm tăng năng suất cây trồng. C. Thói quen canh tác. D. Trồng ngẫu nhiên.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
BÀI 33: TẬP TÍNH Ở ĐỘNG VẬT	
Nhận biết	Câu 1. Cảm ứng của động vật là A. khả năng cơ thể động vật tiếp nhận và phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. B. khả năng cơ thể động vật tiếp nhận với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. C. khả năng cơ thể động vật tiếp nhận và biến đổi thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển. D. khả năng cơ thể động vật phản ứng thích hợp với các kích thích từ môi trường, đảm bảo cho sinh vật tồn tại và phát triển.
	Câu 2. Tập tính là A. chuỗi phản ứng của động vật nhằm trả lời kích thích của môi trường. B. chuỗi phản ứng của động vật nhằm biến đổi kích thích của môi trường. C. chuỗi phản ứng của động vật nhằm phát tán kích thích của môi trường. D. chuỗi phản ứng của động vật nhằm điều tiết kích thích của môi trường.
	Câu 3. Vai trò của tập tính đối với động vật là A. tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến sự tồn tại và phát triển nòi giống, đảm bảo cho động vật thích nghi với môi trường sống. B. tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến phát triển nòi giống, đảm bảo cho động vật thích nghi với môi trường sống. C. tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến sự tồn tại và phát triển nòi giống, đảm bảo cho động vật biến đổi được môi trường sống phù hợp với bản thân. D. tập tính có vai trò quan trọng trong đời sống của động vật vì liên quan mật thiết đến sự tồn tại, đảm bảo cho động vật thích nghi với môi trường sống.
	Câu 4. Tập tính ở động vật bao gồm A. tập tính bẩm sinh và tập tính học được. B. tập tính bẩm sinh và tập tính rèn luyện. C. tập tính sẵn có và tập tính học được. D. tập tính sẵn có và tập tính rèn luyện.
	Câu 5. Trong các ví dụ dưới đây, ví dụ nào là tập tính học được? A. Chuột chạy trốn khi nghe thấy tiếng mèo. B. Ong, kiến sống thành bầy đàn. C. Nhện giăng tơ. D. Chim, cá di cư.
	Câu 6. Trong các ví dụ dưới đây ví dụ nào là tập tính bẩm sinh? A. Nhện chăng tơ. B. Tinh tinh dùng gậy bắt cá. C. Chim non học bay. D. Bò về chuồng khi nghe tiếng chuông.
	Câu 7. Tập tính học được là A. các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	nghiệm. B. các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, đặc trưng cho loài. C. các tập tính sinh ra đã có nhưng mang tính cá thể, không đặc trưng cho loài. D. các tập tính của động vật sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài. Câu 8. Tập tính bẩm sinh là A. các tập tính bẩm sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài. B. các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, đặc trưng cho loài. C. các tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm. D. các tập tính sinh ra đã có nhưng mang tính cá thể, không đặc trưng cho loài.
Thông hiểu	Câu 9. Cho các nhận định sau: - Tập tính của động vật rất đa dạng và phức tạp. - Tập tính giúp sinh vật thích nghi với môi trường sống. - Kiểm ăn là một tập tính có ở hầu hết các loài động vật. - Tập tính có 3 dạng là tập tính bẩm sinh, tập tính không bẩm sinh và tập tính học được. - Nhện giăng tơ là tập tính bẩm sinh. Số nhận định đúng là A. 4. B. 3. C. 2. D. 1. Câu 10. Các loài động vật thường dùng mùi hoặc nước tiểu, phân của mình để đánh dấu lãnh thổ. Đây là: A. tập tính bảo vệ lãnh thổ. B. tập tính sinh sản. C. tập tính kiếm ăn. D. tập tính trốn tránh kẻ thù. Câu 11. Vì sao người ta có thể dùng biện pháp bẫy đèn ban đêm diệt côn trùng có hại? A. Vì côn trùng bị thu hút bởi ánh đèn vào ban đêm nên có thể dùng bẫy đèn có thể thu hút và bắt côn trùng. B. Vì côn trùng sợ ánh đèn vào ban đêm nên khi nhìn thấy ánh đèn chúng sẽ tự động tránh xa. C. Vì ánh đèn có thể trực tiếp tiêu diệt côn trùng nên có thể dùng bẫy đèn để tiêu diệt trực tiếp côn trùng. D. Vì ánh đèn có thể thu hút nhiều loài sinh vật ăn côn trùng nên có thể dùng bẫy đèn để tiêu diệt gián tiếp côn trùng. Câu 12. Vì sao người ta sử dụng ong mắt đỏ để diệt sâu hại cây trồng? A. Vì ong mắt đỏ có tập tính đẻ trứng bên trong trứng của các loài sâu hại. B. Vì thức ăn của ong mắt đỏ là các loài sâu hại. C. Vì ong mắt đỏ có tập tính kí sinh trong cơ thể sâu hại. D. Vì ong mắt đỏ có tập tính trích nọc độc tiêu diệt côn trùng. Câu 13. Người ta thường làm bù nhìn bằng rơm hoặc bằng nilong ở ruộng nương nhằm mục đích A. xua đuổi chim phá hoại mùa màng. B. hạn chế sâu bệnh hại.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	C. tô điểm cho ruộng nương. D. hạn chế sự phá hoại của con người. Câu 14: Những phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về sự hình thành tập tính ? (1) Kích thích càng mạnh càng dễ làm xuất hiện tập tính (2) Kích thích càng lặp lại càng dễ làm xuất hiện tập tính (3) Mọi kích thích đều làm xuất hiện tập tính (4) Không phải bất kì kích thích nào cũng làm xuất hiện tập tính A. (1), (2). B. (2), (3). C. (3), (4). D. (2), (4).
Vận dụng	Câu 15. Ý nghĩa của tập tính chẳng tơ ở nhện? A. Để săn bắt mồi. B. Để làm nơi nghỉ ngơi. C. Để chăm sóc con non. D. Bảo vệ lãnh thổ.
	Câu 16. Chim ưng được con người huấn luyện để phục vụ công việc gì? A. Săn bắt. B. Làm cảnh. C. Bảo tồn. D. An ninh.
	Câu 17. Loài động vật được con người huấn luyện để phục vụ điều tra phá án? A. Chó. B. Bò. C. Gà. D. Vịt.
	Câu 18. Trong lĩnh vực giải trí con người thường nuôi loài động vật nào sau đây? A. Chim khướu. B. Chim sâu. C. Chim sẻ. D. Chim bồ câu.
	Câu 19. Trong trồng trọt để làm giảm thiểu ảnh hưởng của một số loài chim ăn hạt người ta thường làm gì? A. Dựng bù nhìn ngoài ruộng. B. Phát loa âm lượng lớn. C. Dùng bẫy chim. D. Sử dụng thuốc hoá học để tiêu diệt chim ăn hạt.
	Câu 20. Cần hình thành cho trẻ thói quen nào trước khi ăn? A. Rửa tay trước khi ăn. B. Đánh răng trước khi ăn. C. Ngồi đúng vị trí ăn hàng ngày. D. Vệ sinh trước khi ăn.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
BÀI 34: SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở SINH VẬT	
Nhận biết	Câu 1. Sinh trưởng ở sinh vật là gì? A. Sinh trưởng ở sinh vật là quá trình tăng lên về kích thước và khối lượng của tế bào trong cơ thể. B. Sinh trưởng ở sinh vật là quá trình tăng lên số lượng tế bào, tạo nên các mô ở sinh vật. C. Sinh trưởng ở sinh vật là quá trình biến đổi về chất lượng, cấu trúc tế bào trong cơ thể. D. Sinh trưởng ở sinh vật là quá trình phân hóa tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan trong cơ thể.
	Câu 2. Phát triển ở sinh vật bao gồm các quá trình nào sau đây? A. Quá trình sinh trưởng, phân hóa tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan của cơ thể sinh vật. B. Quá trình tăng lên về kích thước và số lượng của tế bào trong cơ thể sinh vật. C. Quá trình tăng lên về số lượng, khối lượng ở một số mô trong cơ thể sinh vật. D. Quá trình phân hóa tế bào và phát sinh hình thái các cơ quan trong cơ thể.
	Câu 3. Quá trình nào sau đây là quá trình sinh trưởng của thực vật? A. Cơ thể thực vật tăng kích thước. B. Cơ thể thực vật ra hoa. C. Cơ thể thực vật kết quả, tạo hạt. D. Cơ thể thực vật mọc chồi.
	Câu 4. Ở thực vật, cơ sở tế bào học của hiện tượng sinh trưởng là gì? A. Sự nguyên phân của các tế bào mô phân sinh. B. Sự giảm phân xảy ra ở tế bào mô phân sinh. C. Sự tăng lên về khối lượng tế bào ở mô phân sinh. D. Sự tăng về kích thước của các tế bào mô phân sinh.
	Câu 5. Ở thực vật, mô phân sinh đỉnh không nằm ở vị trí nào của cây? A. Thân cây. B. Đỉnh thân. C. Chồi nách. D. Đỉnh rễ.
	Câu 6. Ở thực vật, mô phân sinh đỉnh nằm ở vị trí nào của cây? A. Đỉnh rễ, đỉnh cây. B. Đỉnh rễ, đỉnh cành. C. Đỉnh rễ, thân non. D. Đỉnh rễ, lá non.
	Câu 7. Ở thực vật hai lá mầm, mô phân sinh bên nằm vị trí nào của cây? A. Phân bố theo hình trụ trong thân, rễ cây. B. Phân bố theo hình trụ ở đỉnh các rễ cây. C. Phân bố theo hình trụ ở đỉnh của thân cây. D. Phân bố theo hình trụ ở đỉnh của cành cây.
	Câu 8. Khi nói về chức năng của mô phân sinh bên ở thực vật hai lá mầm, phát biểu nào sau đây sai? A. Mô phân sinh bên có chức năng làm tăng độ dày của lá cây. B. Mô phân sinh bên có chức năng làm tăng độ dày của rễ cây. C. Mô phân sinh bên có chức năng làm tăng độ dày của cành cây. D. Mô phân sinh bên có chức năng làm tăng độ dày của thân cây.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	Câu 9. Ở thực vật, mô phân sinh đỉnh có chức năng nào sau đây? A. Làm thân và rễ cây tăng về chiều dài. B. Làm thân cây dài và to ra. C. Làm thân cây đâm chồi, đẻ nhánh. D. Làm thân cây, rễ ro ra. Câu 10. Ở động vật, sinh trưởng là gì? A. Là sự tăng về khối lượng và kích thước cơ thể do tăng kích thước và số lượng tế bào. B. Là sự tăng về các hệ cơ quan trong cơ thể do tăng kích thước và khối lượng tế bào. C. Là sự phân hóa các tế bào phát sinh hình thái cơ thể. D. Là sự phân hóa các tế bào hình thành các cơ quan trong cơ thể. Câu 11. Nhận xét nào dưới đây về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển của cơ thể sống là không đúng? A. Tất cả sinh vật đều trải qua những giai đoạn sinh trưởng và phát triển giống nhau. B. Sự sinh trưởng tạo tiền đề cho sự phát triển. C. Tốc độ sinh trưởng diễn ra không đồng đều ở các giai đoạn phát triển khác nhau. D. Sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể luôn liên quan mật thiết với nhau. Câu 12. Nhận xét nào về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển của cơ thể sống là đúng? A. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ mật thiết với nhau, sinh trưởng tạo tiền đề cho phát triển, phát triển thúc đẩy sinh trưởng. B. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình có mối quan hệ mật thiết với nhau, quá trình sinh trưởng diễn ra trước, quá trình phát triển diễn ra sau. C. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình song song, có mối quan hệ mật thiết với nhau, sinh trưởng tạo tiền đề cho phát triển, phát triển thúc đẩy sinh trưởng. D. Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình đối lập nhau, có mối quan hệ mật thiết với nhau. Câu 13. Vòng đời của cây có hoa gồm: A. Hạt → hạt nảy mầm → cây non → cây trưởng thành có hoa. B. Cây trưởng thành → hạt → hạt nảy mầm → cây mầm → cây con. C. Hạt → cây con → cây trưởng thành → cây có hoa. D. Hạt → cây mầm → cây con → cây trưởng thành → cây có hoa. Câu 14. Trong các sơ đồ dưới đây, sơ đồ nào thể hiện đúng vòng đời của ếch? A. Trứng → phôi → nòng nọc → nòng nọc hai chân → nòng nọc bốn chân → ếch con → ếch trưởng thành. B. Phôi → nòng nọc → nòng nọc hai chân → nòng nọc bốn chân → ếch con → ếch trưởng thành. C. Trứng → phôi → ếch con → ếch trưởng thành. D. Trứng → nòng nọc → nòng nọc hai chân → nòng nọc bốn chân → ếch con → ếch trưởng thành.
Thông hiểu	Câu 15. Ở thực vật, cơ thể lớn lên là do đâu? A. Sự nguyên phân của các tế bào mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh bên. B. Sự giảm phân xảy ra ở tế bào mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh bên. C. Sự tăng lên về khối lượng tế bào ở mô phân sinh bên và mô phân sinh rễ. D. Sự tăng về kích thước của các tế bào mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh bên. Câu 16. Quá trình sinh trưởng và phát triển của chim bồ câu diễn ra như thế nào? A. Bắt đầu từ hợp tử, diễn ra trong trứng và sau khi trứng nở, kết thúc khi già và chết. B. Bắt đầu từ khi trứng nở ra đến khi già và chết. C. Bắt đầu từ lúc trứng được thụ tinh và kéo dài đến lúc chim trưởng thành. D. Bắt đầu từ khi trứng nở đến khi chim trưởng thành và sinh sản được. Câu 17. Cho các bộ phận của cây có hoa: 1. Đỉnh rễ. 2. Thân. 3. Chồi nách.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	4. Chồi đỉnh. 5. Hoa. 6. Lá. Mô phân sinh đỉnh không có ở các bộ phận nào của cây? A. (2), (5) và (6). B. (2), (3) và (4). C. (3), (4) và (5). D. (1), (2) và (6). Câu 18. Mô phân sinh đỉnh không có ở vị trí nào của cây? A. Ở thân. B. Ở chồi nách. C. Ở đỉnh rễ. D. Ở chồi đỉnh. Câu 19. Quá trình sinh trưởng và phát triển của thằn lằn diễn ra như thế nào? A. Bắt đầu từ hợp tử diễn ra trong trứng, trứng nở thành con, con trưởng thành. B. Bắt đầu từ lúc trứng được thụ tinh và kéo dài đến lúc thằn lằn trưởng thành. C. Bắt đầu từ khi trứng nở đến khi thằn lằn trưởng thành. D. Bắt đầu từ con non lớn lên, con trưởng thành và chết. Câu 20. Trong quá trình sinh trưởng, thân cây cao lên là do đâu? A. Sự nguyên phân của mô phân sinh đỉnh ở ngọn cây. B. Sự nguyên phân của mô phân sinh đỉnh ở rễ cây. C. Sự nguyên phân của mô phân sinh bên ở thân cây. D. Sự nguyên phân của mô phân sinh đỉnh chồi cây. Câu 21. Thứ tự các loại mô phân sinh tính từ ngọn đến rễ cây Hai lá mầm là: A. Mô phân sinh đỉnh → mô phân sinh bên → mô phân sinh đỉnh rễ. B. Mô phân sinh đỉnh → mô phân sinh đỉnh rễ → mô phân sinh bên. C. Mô phân sinh đỉnh rễ → mô phân sinh đỉnh → mô phân sinh bên. D. Mô phân sinh bên → mô phân sinh đỉnh → mô phân sinh đỉnh rễ. Câu 22. Trong quá trình sinh trưởng, thân cây to ra là do đâu? A. Sự nguyên phân của mô phân sinh bên ở thân cây. B. Sự nguyên phân của mô phân sinh đỉnh ở rễ cây. C. Sự nguyên phân của mô phân sinh đỉnh ở ngọn cây. D. Sự tăng lên số lượng tế bào mô phân sinh đỉnh chồi cây. Câu 23. Khí nói về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển ở sinh vật, phát biểu nào sau đây sai? A. Ở sinh vật, quá trình sinh trưởng diễn ra trước, quá trình phát triển diễn ra sau. B. Sự sinh trưởng tạo tiền đề cho sự phát triển, phát triển thúc đẩy sinh trưởng. C. Tốc độ sinh trưởng diễn ra không đồng đều ở các giai đoạn phát triển khác nhau. D. Sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể có quan hệ mật thiết với nhau, đan xen nhau. Câu 24. Khi nói về sinh trưởng và phát triển ở động vật, phát biểu nào sau đây sai? A. Cơ thể động vật được hình thành do kết quả của quá trình phân hóa của hợp tử. B. Sự phát triển của động vật bao gồm ba quá trình liên quan mật thiết với nhau là sinh trưởng, biệt hóa tế bào và phát sinh hình thái. C. Đặc điểm của quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật thay đổi tùy theo điều kiện sống của chúng. D. Sự sinh trưởng là sự gia tăng kích thước cũng như khối lượng cơ thể động vật theo thời gian.
Vận dụng	Câu 25. Vì sao nuôi lợn ỉ, nên xuất chuồng lúc chúng đạt khối lượng 50 – 60 kg ? A. Sau giai đoạn này lợn lớn rất chậm. B. Sau giai đoạn này lợn sẽ dễ bị bệnh. C. Nuôi lâu thịt lợn sẽ không ngon. D. Đó là khối lượng lớn nhất của chúng. Câu 26. Vì sao nuôi cá rô phi nên thu hoạch sau một năm mà không để lâu hơn?

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	A. Cá nuôi lâu thịt sẽ dai và không ngon. B. Tốc độ lớn của cá rô phi nhanh nhất ở năm đầu sau đó sẽ giảm. C. Cá rô phi có tuổi thọ ngắn. D. Sau một năm cá đã đạt kích thước tối đa.
	Câu 27. Vòng đời của sâu bướm trải qua các giai đoạn sau: Trứng → sâu non → nhộng → bướm. Giai đoạn nào không có hại cho cây trồng? A. Bướm. B. Sâu. C. Nhộng. D. Trứng.
	Câu 28. Vòng đời của sâu bướm trải qua các giai đoạn: Trứng → sâu → nhộng → bướm. Giai đoạn nào là có hại cho cây trồng? A. Sâu. B. Trứng. C. Nhộng. D. Bướm.
	Câu 29. Trong các trường hợp sau, đâu là quá trình phát triển? A. Hạt nảy mầm thành cây con. B. Cây bắt đầu ra hoa, kết quả, tạo hạt. C. Gà mái đẻ trứng. D. Gà trống bắt đầu gáy.
	Câu 30. Để bảo vệ mùa màng, chúng ta cần tiêu diệt sâu bướm ở giai đoạn nào sau đây có hiệu quả nhất? A. Sâu. B. Trứng. C. Nhộng. D. Bướm.
BÀI 35. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA SINH VẬT	
Nhận biết	Câu 1. Nhân tố nào sau đây là nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật? A. Chất dinh dưỡng. B. Hormone. C. Giới tính. D. Yếu tố di truyền.
	Câu 2. Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật như thế nào? A. Làm thay đổi những đặc điểm hình thái và hoạt động sinh lí của cây. B. Làm thay đổi hình thái bên ngoài của thân, lá và khả năng quang hợp của cây. C. Làm thay đổi các quá trình sinh lí quang hợp, hô hấp của cây. D. Làm thay đổi đặc điểm hình thái của thân, lá và khả năng hút nước của rễ.
	Câu 3. Nếu ánh sáng chiếu vào cây xanh từ một phía nhất định, sau một thời gian cây mọc như thế nào? A. Ngọn cây sẽ mọc cong về phía có ánh sáng. B. Ngọn cây sẽ mọc cong về phía không có ánh sáng. C. Ngọn cây rũ xuống D. Ngọn cây vẫn mọc thẳng.
	Câu 4. Vai trò quan trọng nhất của ánh sáng đối với động vật là: A. Định hướng di chuyển trong không gian. B. Sinh sản. C. Kiếm mồi.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	D. Nhận biết các vật. Câu 5. Giới hạn nhiệt độ của cá rô phi Việt Nam là bao nhiêu? A. $5,6^{\circ}\text{C} - 42^{\circ}\text{C}$. B. $23^{\circ}\text{C} - 37^{\circ}\text{C}$. C. $0^{\circ}\text{C} - 50^{\circ}\text{C}$. D. $0^{\circ}\text{C} - 37^{\circ}\text{C}$. Câu 6. Khoảng nhiệt độ thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cá rô phi Việt Nam là bao nhiêu? A. $23^{\circ}\text{C} - 37^{\circ}\text{C}$. B. $5,6^{\circ}\text{C} - 42^{\circ}\text{C}$. C. $0^{\circ}\text{C} - 50^{\circ}\text{C}$. D. $0^{\circ}\text{C} - 37^{\circ}\text{C}$. Câu 7. Ở nhiệt độ nào lan Hồ Điệp có tỉ lệ sống cao nhất, cây có nhiều lá nhất, lá dài và rộng nhất? A. $25^{\circ}\text{C} - 30^{\circ}\text{C}$. B. $10^{\circ}\text{C} - 15^{\circ}\text{C}$. C. $20^{\circ}\text{C} - 25^{\circ}\text{C}$. D. $30^{\circ}\text{C} - 35^{\circ}\text{C}$. Câu 8. Khoảng nhiệt độ thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của lan Hồ Điệp là bao nhiêu? A. $25^{\circ}\text{C} - 30^{\circ}\text{C}$. B. $10^{\circ}\text{C} - 25^{\circ}\text{C}$. C. $20^{\circ}\text{C} - 35^{\circ}\text{C}$. D. $30^{\circ}\text{C} - 45^{\circ}\text{C}$. Câu 9. Giới hạn sinh thái là gì? A. Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định. B. Là khoảng thuận lợi của một nhân tố sinh thái đảm bảo cơ thể sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt. C. Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với các nhân tố sinh thái khác nhau. D. Là khoảng tác động có lợi nhất của nhân tố sinh thái đối với cơ thể sinh vật Câu 10. Sinh vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi nhất ở vị trí nào trong giới hạn sinh thái? A. Ở điểm cực thuận. B. Ở điểm gây chết dưới. C. Ở điểm gây chết trên. D. Ở trung điểm giới hạn. Câu 11. Trong chăn nuôi gà công nghiệp, để điều chỉnh quá trình sinh sản của gà làm tăng số lượng trứng, người ta dùng biện pháp nào sau đây? A. Tăng thời gian chiếu sáng cho gà. B. Tăng độ ẩm cho gà. C. Tăng nhiệt độ cho gà. D. Tăng thức ăn cho gà.
Thông hiểu	Câu 12. Vì sao những cây ở bờ rừng thường mọc nghiêng và tán cây lệch về phía có nhiều ánh sáng? A. Cây nhận ánh sáng không đều từ các phía. B. Do tác động của gió từ một phía. C. Do cây nhận được nhiều ánh sáng. D. Do số lượng cây nhiều, lấn át cây ở bờ rừng. Câu 13. Trong quá trình phát triển ở người, các nhân tố môi trường bên ngoài ảnh hưởng rõ nhất vào giai đoạn nào? A. Giai đoạn sơ sinh

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	B. Giai đoạn phôi thai. C. Giai đoạn vị thành niên. D. Giai đoạn trưởng thành. Câu 14. Nhân tố nào sau đây là tác nhân ảnh hưởng mạnh mẽ nhất lên quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật? A. Thức ăn. B. Nhiệt độ. C. Độ ẩm. D. Ánh sáng. Câu 15. Trong các biện pháp diệt muỗi sau đây, biện pháp nào là biện pháp sinh học? A. Nuôi cá ăn bọ gậy. B. Phun thuốc diệt muỗi. C. Khơi thông cống rãnh. D. Dùng vợt điện để diệt muỗi. Câu 16. Nhân tố ánh sáng không làm ảnh hưởng đến hình thái và hoạt động sinh lí nào sau đây của cây có hoa? A. Tỷ lệ thụ phấn của hoa. B. Quá trình hô hấp. C. Sự thoát hơi nước của cây. D. Quá trình quang hợp. Câu 17. Ở thực vật, hiện tượng tia cành tự nhiên là do đâu? A. Cành dưới thiếu ánh sáng, quang hợp ít. B. Các cành chết do bị tổn thương. C. Cành dưới quá dài nên bị gãy. D. Cành già nhận ít chất dinh dưỡng.
Vận dụng	Câu 18. Ứng dụng sự thích nghi của cây trồng đối với nhân tố ánh sáng, người ta trồng xen các loại cây theo trình tự nào sau đây? A. Cây ưa sáng trồng trước, cây ưa bóng trồng sau. B. Trồng đồng thời cây ưa sáng và cây ưa bóng. C. Tuỳ theo mùa mà trồng cây ưa sáng hoặc cây ưa bóng trước. D. Cây ưa bóng trồng trước, cây ưa sáng trồng sau. Câu 19. Trong trồng trọt, người ta bấm ngọn cây ở một số cây trồng nhằm mục đích gì? A. Hạn chế thân cây phát triển chiều cao, tập trung chất dinh dưỡng cho sự ra hoa và tạo quả. B. Kích thích cây phát triển chiều cao, cây ra nhiều cành. C. Hạn chế thân phát triển, giảm sự thoát hơi nước cho cây. D. Giúp thân cây phát triển chiều ngang, giảm sự thoát hơi nước cho cây. Câu 20. Vòng đời của muỗi như sau: Trứng → ấu trùng → nhộng → muỗi tiền trưởng thành → muỗi trưởng thành. Người ta dùng vợt diệt muỗi trong giai đoạn phát triển nào của muỗi? A. Muỗi trưởng thành. B. Trứng. C. Ấu trùng. D. Nhộng. Câu 21: Khi nuôi cá trong bể kính, khi thay nước người ta làm như thế nào đảm bảo cho cá phát triển bình thường? A. Thay 2/3 lượng nước, giữ lại 1/3 lượng nước cũ. B. Thay 1/3 lượng nước, giữ lại 2/3 lượng nước cũ. C. Thay 1/2 lượng nước, giữ lại 1/2 lượng nước cũ. D. Thay toàn bộ nước có trong bể. Câu 22: Người ta thường thả đèn ban đêm trong vườn thanh long nhằm mục đích gì?

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	A. Kích thích cây thanh long sớm ra hoa, tạo quả. B. Kích thích cây tăng trưởng tốt. C. Giúp cây tăng quá trình quang hợp. D. Giúp cây tăng quá trình thoát hơi nước
	Câu 23. Để phòng tránh bệnh sốt xuất huyết thì ta nên diệt muỗi ở giai đoạn nào: A. Ấu trùng, nhộng, trứng, muỗi trưởng thành B. Nhộng C. Trứng D. Muỗi trưởng thành
	Câu 24. Để diệt sâu bướm hại cây trồng, người ta diệt chúng vào các giai đoạn nào của vòng đời phát triển ? A. Trứng, sâu bướm, kén. B. Sâu bướm, kén, bướm trưởng thành. C. Trứng, kén, bướm trưởng thành. D. Sâu bướm, trứng, bướm trưởng thành.
	Câu 25. Trong trường hợp muỗi vẫn truyền virus gây bệnh sốt huyết thành dịch, để đạt hiệu quả nhất người ta thường dùng phương pháp nào sau đây để diệt muỗi? A. Phun thuốc diệt muỗi. B. Nuôi cá ăn bọ gậy. C. Khơi thông cống rãnh. D. Dùng vợt điện để diệt muỗi.
	Câu 26. Mục đích của việc chong đèn cho cây thanh long vào ban đêm là gì? A. Để thanh long ra nhiều hoa và tạo quả. B. Tăng khả năng sinh trưởng của cây. C. Tăng khả năng chống chịu của cây. D. Kéo dài thời gian sinh trưởng của cây.
	Câu 27. Biện pháp nào sau đây không đúng khoa học khi ứng dụng trong chăn nuôi? A. Cho vật nuôi ăn nhiều hóa chất thúc đẩy sinh trưởng và phát triển. B. Xây dựng chuồng trại theo mô hình khép kín, đảm bảo vệ sinh. C. Tạo giống lai năng suất cao, chất lượng tốt. D. Chăm sóc, phòng ngừa một số bệnh gây hại cho vật nuôi.
	Câu 28. Trong chăn nuôi, năng suất tối đa của vật nuôi phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố nào sau đây? A. Đặc điểm di truyền của vật nuôi. B. Thức ăn của vật nuôi. C. Điều kiện môi trường. D. Chế độ phòng chống dịch.
	Câu 29. Cơ thể người thiếu nước có những biểu hiện nào sau đây? A. Môi khô, nhức đầu, chóng mặt. B. Cơ thể ra nhiều mồ hôi. C. Da tay sần gai ốc. D. Cơ thể mệt mỏi, buồn ngủ.
BÀI 36. THỰC HÀNH CHỨNG MINH SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT, ĐỘNG VẬT	
Thông hiểu	Câu 1. Khi nói về sử dụng chất kích thích tăng trưởng cho vật nuôi, phát biểu nào sau đây là sai? A. Sử dụng nhiều chất kích thích tăng trưởng trong giai đoạn vật nuôi trưởng thành. B. Sử dụng hóa chất trong danh mục được cho phép của ban ngành. C. Nằm vững quy trình sử dụng của hóa chất. D. Hiểu rõ liều lượng dùng, giai đoạn dùng cho vật nuôi.
	Câu 2: Hạt đậu nảy mầm là hiện tượng nào sau đây? A. Hiện tượng phát triển.

CẤP ĐỘ	CÂU HỎI + ĐÁP ÁN
	B. Hiện tượng sinh trưởng. C. Hiện tượng sinh sản. D. Vừa sinh trưởng vừa phát triển. Câu 3: Trứng gà nở thành gà con là hiện tượng nào sau đây? A. Hiện tượng phát triển. B. Hiện tượng sinh trưởng. C. Hiện tượng phát dục. D. Vừa sinh trưởng vừa phát triển. Câu 4: Gà trống nặng thêm 200g là hiện tượng nào sau đây? A. Hiện tượng sinh trưởng. B. Hiện tượng phát triển. C. Hiện tượng sinh sản. D. Vừa sinh trưởng vừa phát triển. Câu 5: Cây đậu cao thêm 2cm là hiện tượng nào sau đây? A. Hiện tượng sinh trưởng. B. Hiện tượng phát triển. C. Hiện tượng sinh sản. D. Vừa sinh trưởng vừa phát triển.

CẤP ĐỘ	Câu hỏi + đáp án
BÀI 37: SINH SẢN Ở SINH VẬT	
Nhận biết	Câu 1. Ở hoa lưỡng tính, bộ phận nào của hoa là bộ phận sinh sản? A. Nhị hoa và nhụy hoa. B. Tròng hoa và nhụy hoa. C. Đài hoa và nhị hoa. D. Tròng hoa và đài hoa. Câu 2. Trong các ví dụ về hình thức sinh sản dưới đây, ví dụ nào không phải là hình thức sinh sản vô tính? A. Sinh sản bằng hạt ở cây lúa. B. Sinh sản bằng lá ở cây thuốc bỏng. C. Sinh sản bằng thân rễ ở cây rau má. D. Sinh sản bằng thân củ ở cây gừng. Câu 3. Trong điều kiện sinh trưởng và phát triển thuận lợi, thủy tức có hình thức sinh sản vô tính theo kiểu nào sau đây? A. Mọc chồi. B. Phân đôi. C. Tái sinh. D. Phân mảnh. Câu 4. Đặc điểm cơ bản của cơ thể sống nhằm tạo ra cá thể mới để đảm bảo sự phát triển liên tục của loài là: A. sinh sản. B. giao phối. C. thụ phấn. D. thụ tinh. Câu 5. Những sinh vật nào dưới đây đều có hình thức sinh sản vô tính? A. Trùng biến hình, sữa, san hô. B. Giun đũa, sữa, san hô. C. Giun đất, sữa, san hô.

CẤP ĐỘ	Câu hỏi + đáp án
	D. Ốc sên, sữa, san hô. Câu 6. Thủy tức có những hình thức sinh sản vô tính nào sau đây? A. Mọc chồi và tái sinh. B. Mọc chồi và phân đôi. C. Tái sinh và phân đôi. D. Tái sinh và phân mảnh. Câu 7. Ở thực vật, người ta thường sử dụng phương pháp giâm cành đối với những cây nào dưới đây? A. Mía, sắn, hoa hồng. B. Cam, chanh, bưởi. C. Xoài, nhãn, mận. D. Mít, vú sữa, chanh. Câu 8. Loài động vật nào sau đây đẻ trứng nhưng lại nuôi con bằng sữa mẹ? A. Thú mỏ vịt. B. Thú túi. C. Chuột chuột. D. Dơi. Câu 9. Thực vật nào sau đây sinh sản sinh dưỡng bằng thân củ? A. Cây nghệ. B. Cây khoai lang. C. Cây thuốc bỏng. D. Cây khoai mì. Câu 10. Những cây loài nào dưới đây có kiểu hoa đơn tính? A. Mướp, dưa leo. B. Dưa leo, bưởi. C. Đậu Hà Lan, bầu. D. Chanh, ổi. Câu 11. Những loài động vật nào sau đây có phôi phát triển thành con non trong cơ thể mẹ? A. Thỏ, dơi. B. Đại bàng, mèo. C. Diều hâu, chuột đồng. D. Đà điểu, gà ri. Câu 12. Nhóm động vật nào dưới đây sinh sản bằng hình thức đẻ trứng, thụ tinh ngoài? A. Cá chép, ếch đồng. B. Cá chêm, cá sấu. C. Cá rô phi, ba ba. D. Cá lóc, rùa. Câu 13. Ở thực vật hạt kín, hoa là cơ quan sinh sản, trong đó bộ phận sinh sản bao gồm: A. nhị và nhụy. B. nhị và bầu nhụy. C. nhị và vòi nhụy. D. nhị và đầu nhụy. Câu 14. Ở thực vật, thụ phấn là gì? A. Hiện tượng hạt phấn rơi trên đầu nhụy. B. Hạt phấn nảy mầm tạo thành ống phấn. C. Ống phấn xuyên qua đầu nhụy đến bầu nhụy. D. Giao tử đực kết hợp với giao tử cái tạo thành hợp tử.
Thông hiểu	Câu 15. Ở khoai tây, người ta thường lấy giống bằng cách để củ khoai tây nảy mầm tự nhiên sau đó đem trồng. Đây là hình thức sinh sản nào ở thực vật? A. Sinh sản sinh dưỡng.

CẤP ĐỘ	Câu hỏi + đáp án
	B. Sinh sản hữu tính. C. Sinh sản tái sinh. D. Nuôi cấy mô. Câu 16. Ở động vật sinh sản hữu tính, quá trình sinh sản phát triển theo các giai đoạn nào sau đây? A. Hình thành giao tử đực và giao tử cái → thụ tinh tạo thành hợp tử → phát triển phôi và hình thành cơ thể mới. B. Hình thành giao tử đực và giao tử cái → phát triển phôi và hình thành cơ thể mới → thụ tinh tạo thành hợp tử. C. Thụ tinh tạo thành hợp tử → phát triển phôi và hình thành cơ thể mới → hình thành giao tử đực và giao tử cái. D. Phát triển phôi và hình thành cơ thể mới → hình thành giao tử đực và giao tử cái → thụ tinh tạo thành hợp tử. Câu 17. Câu nào sau đây không phải là đặc điểm của sinh sản vô tính ? A. Tạo ra cá thể mới đa dạng về hình thái. B. Cơ thể con sinh ra đều giống nhau và giống cơ thể mẹ. C. Cơ thể mới được hình thành thông qua hình thức nguyên phân. D. Tạo ra giống nhanh, tiết kiệm chi phí. Câu 18. Tại sao ở động vật bậc cao lại không nhân bản vô tính đại trà? A. Liên quan đến vấn đề đạo đức. B. Cơ thể có cấu tạo phức tạp. C. Hệ thần kinh phát triển mạnh. D. Không thể tạo ra được. Câu 19. Để nhân giống cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành vì: A. phương pháp này giúp rút ngắn thời gian sinh trưởng của cây, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả. B. cây con dễ trồng và ít công chăm sóc. C. phương pháp này giúp nhân giống nhanh và nhiều. D. phương pháp này giúp tránh được sâu bệnh gây hại. Câu 20. Điều nào không đúng khi nói về hình thức thụ tinh ở động vật? A. Thụ tinh ngoài là sự kết hợp của 2 loại giao tử đực và cái diễn ra ở trong cơ thể con cái. B. Thụ tinh trong làm tăng tỉ lệ sống sót của con non. C. Thụ tinh ngoài làm hiệu quả thụ tinh thấp. D. Thụ tinh ngoài là sự kết hợp của 2 loại giao tử đực và cái diễn ra ở ngoài cơ thể con cái. Câu 21. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về đặc điểm sinh sản vô tính ở động vật? A. Cá thể mới hình thành từ trứng không được thụ tinh của cá thể gốc. B. Sự sinh sản chỉ cần một cá thể gốc. C. Sự sinh sản dựa trên quá trình nguyên phân. D. Không có sự thụ tinh giữa giao tử đực và giao tử cái. Câu 22. Hạt phấn của cây ngô này thụ phấn với nhụy của cây ngô khá gọi là hiện tượng gì? A. Thụ phấn chéo. B. Tự thụ phấn. C. Thụ phấn bắt buộc. D. Thụ phấn tự do. Câu 23. Vì sao giun đất là động vật lưỡng tính nhưng vẫn thụ tinh chéo? A. Cơ quan sinh dục đực và cái bị ngăn cách nhau. B. Chỉ có 1 trong 2 cơ quan sinh sản phát triển đầy đủ. C. Trứng và tinh trùng không chín cùng một lúc. D. Chúng có tập tính sống thành đôi. Câu 24. Khi nói về vai trò của sinh sản vô tính ở thực vật, phát biểu nào sau đây sai?

CẤP ĐỘ	Câu hỏi + đáp án
	A. Tạo nhiều giống cây mới. B. Duy trì được tính trạng tốt. C. Nhân giống nhanh, dễ thực hiện. D. Tiết kiệm chi phí, hiệu quả cao.
Vận dụng	Câu 25. Bạn Ngọc tiến hành cắt một đoạn thân cây rau búp ngót cắm vào trong đất ẩm. Sau 20 ngày bạn Ngọc kiểm tra thấy phần cắm xuống đất đã mọc ra rễ non. Em hãy cho biết bạn Ngọc đã sử dụng phương pháp nhân giống nào? A. Giâm cành. B. Chiết cành. C. Ghép cành. D. Nuôi cấy mô. Câu 26. Khi quan sát cây thuốc bỏng, nhận thấy trên lá mọc ra mầm cây con, sau đó cây con phát triển và rơi xuống đất rồi thành cây thuốc bỏng trưởng thành. Hình thức sinh sản này của cây thuốc bỏng là gì? A. Sinh sản sinh dưỡng. B. Sinh sản nảy chồi. C. Sinh sản phân đôi. D. Sinh sản bằng bào tử. Câu 27. Cho hình ảnh sau: Hình ảnh trên mô tả quá trình nhân giống cây bằng phương pháp nào? A. Nuôi cấy mô. B. Nhân bản vô tính. C. Giâm cành. D. Chiết cành. Câu 28. Bạn Nghi thực hiện các thao tác bóc vỏ một đoạn cành cây, làm bầu và bọc lại đoạn cành cây. Sau khi ra rễ, cắt chuyển xuống đất trồng. Vậy bạn Nghi sử dụng phương pháp nhân giống nào sau đây? A. Chiết cành. B. Ghép cành. C. Giâm cành. D. Nuôi cấy mô. Câu 29. Vườn nhà bạn Bình trồng bốn loại cây: cây ngô, cà chua, tre, mướp. Theo em thì loài cây nào sinh sản bằng thân rễ? A. Cây tre. B. Cây ngô. C. Cây cà chua. D. Cây mướp. Câu 30. Trong sinh sản hữu tính, những loài nào sau đây đều đẻ trứng? A. Cá chép, chim cánh cụt, đà điểu. B. Thú mỏ vịt, lợn rừng, ngựa vằn. C. Hươu cao cổ, chó, cá hồi. D. Chuột đồng, mèo rừng, thú mỏ vịt. Câu 31. Quan sát con thằn lằn bị đứt đuôi sau một thời gian đuôi mọc trở lại. Hiện tượng đó gọi là gì?

CẤP ĐỘ	Câu hỏi + đáp án
	A. Sự tái sinh một bộ phận cơ thể. B. Kiểu sinh sản vô tính tái sinh. C. Hình thức sinh sản phân mảnh. D. Một kiểu của sự sinh trưởng. Câu 32. Cá chép cái đẻ trứng trong nước và cá chép đực bơi theo xuất tinh trùng vào nước, các trứng và tinh trùng gặp nhau một cách ngẫu nhiên. Trường hợp này được gọi là gì? A. Thụ tinh ngoài. B. Thụ tinh trong. C. Tự phối. D. Trinh sản.

Bài 38: Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật

Nhận biết	Câu 1. Ở sinh vật, yếu tố nào bên trong điều hoà sự phát sinh giao tử đực và giao tử cái? A. Hormone. B. Nhiệt độ. C. Thức ăn. D. Độ ẩm.
	Câu 2. Trong chăn nuôi, mục đích quan trọng của biện pháp thụ tinh nhân tạo là gì? A. Điều chỉnh số lượng con sinh ra. B. Điều khiển giới tính của con non. C. Điều khiển thời gian sinh sản. D. Điều khiển chất lượng của con non.
	Câu 3. Yếu tố nào dưới đây con người thường sử dụng để điều khiển sinh sản ở sinh vật? A. Hormone. B. Ánh sáng. C. Nhiệt độ. D. Dinh dưỡng.
	Câu 4. Cây nào sau đây thường được thụ phấn nhân tạo? A. Cây dưa leo. B. Cây dưa. C. Cây hoa lan. D. Cây hoa huệ.
	Câu 5. Trong chăn nuôi, biện pháp nào sau đây có hiệu quả nhất để tăng hiệu suất thụ tinh? A. Thụ tinh nhân tạo. B. Thay đổi các yếu tố môi trường. C. Nuôi cấy phôi. D. Sử dụng hormone.
	Câu 6. Mục đích của việc điều khiển giới tính trong chăn nuôi là gì? A. Phù hợp mục đích sản xuất. B. Làm cân bằng tỷ lệ đực cái. C. Làm giảm số lượng con đực. D. Làm giảm số lượng con cái.
	Câu 7. Muốn tăng sản lượng thịt ở gia cầm, người ta áp dụng biện pháp nào sau đây? A. Tăng nhiều con đực trong đàn. B. Tăng nhiều con cái trong đàn. C. Con đực và con cái bằng nhau. D. Chọn con non có kích thước lớn để nuôi.
	Câu 8. Biện pháp nào sau đây không được áp dụng để điều khiển làm tăng tốc độ sinh sản ở động vật? A. Gây đột biến. B. Tiêm hormone.

	C. Nuôi cấy phôi. D. Thụ tinh nhân tạo.
Thông hiểu	Câu 9. Trường hợp nào dưới đây cho thấy sự ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài đến sinh sản ở sinh vật? A. Nhiệt độ trên 30°C trứng rùa ấp thường nở ra con cái. B. Nhện cái tấn công nhện đực sau khi giao phối. C. Ban đêm, một số côn trùng di chuyển đến nơi có ánh sáng. D. Đom đóm phát sáng để thu hút bạn tình.
	Câu 10. Hoa cúc họa mi chỉ nở vào mùa đông, sự ra hoa của cúc họa mi chịu ảnh hưởng rõ rệt của yếu tố nào sau đây? A. Nhiệt độ. B. Nước. C. Ánh sáng. D. Chất dinh dưỡng.
	Câu 11. Trong chăn nuôi, điều khiển giới tính của đàn con nhằm mục đích gì ? A. Theo nhu cầu của người sản xuất. B. Hạn chế số con sinh ra bị chết non. C. Phòng chống một số bệnh tật. D. Giảm sinh sản trong chăn nuôi.
	Câu 12. Ở người, biện pháp nào không đúng khi thực hiện kế hoạch hóa gia đình, dân số? A. Dùng biện pháp điều khiển sinh con trai, con gái. B. Mỗi gia đình nên có từ một đến hai con. C. Phụ nữ không nên sinh con sau 35 tuổi. D. Khoảng cách giữa hai lần sinh không gần nhau.
Vận dụng	Câu 13. Người nông dân thường nuôi ong trong các vườn cây ăn quả, điều này có tác dụng gì? A. Tăng số lượng hoa được thụ phấn. B. Bảo vệ quả khỏi bị kẻ gian trộm. C. Hạn chế quả non bị rụng. D. Giúp quả lớn nhanh hơn.
	Câu 14. Cha bạn Lan có trồng vườn thanh long nhưng chỉ ra hoa, tạo quả vào mùa hè. Để cây ra hoa tạo quả vào mùa đông thì cha bạn Lan phải có biện pháp gì? A. Thắp đèn chiếu sáng cho cây vào ban đêm. B. Bón phân hữu cơ cho cây thường xuyên. C. Làm cỏ, đắp đất cho cây. D. Phun thuốc cho cây thường xuyên.
	Câu 15. Trong quá trình sản xuất cá giống, người ta thường mổ bụng cá cái lấy trứng và vuốt bụng cá đực lấy giao tử đực để thụ tinh nhân tạo. Phương pháp này thường áp dụng cho loài cá nào sau đây? A. Cá hồi. B. Cá chép. C. Cá tai tượng. D. Cá trê phi.
	Câu 16. Trong chăn nuôi, người ta tăng số lượng con cái nhằm thu hoạch loại thực phẩm nào sau đây? A. Trứng, sữa. B. Thịt, trứng. C. Thịt, sữa. D. Thịt, xương.

Bài 39: Chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất.

Nhận biết	Câu 1. Sinh vật nào sau đây cơ thể chỉ là một tế bào đảm nhận mọi chức năng? A. Trùng roi.
-----------	--

Thông hiểu	B. Thủy tức. C. Hải quỳ. D. Sứa.
	Câu 2. Ở cơ thể sống, tế bào có các hoạt động nào sau đây? A. Cảm ứng, trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng, lớn lên và sinh sản. B. Lớn lên, trao đổi chất và thay đổi hình dạng, cấu tạo. C. Lớn lên, cảm ứng và thay đổi hình dạng. D. Lớn lên, phân chia và thay đổi hình dạng, cấu tạo.
	Câu 3. Khi quá trình trao đổi chất ở người bị rối loạn, các hoạt động sống khác sẽ không được cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết để cơ thể hoạt động bình thường sẽ: A. ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người. B. mất ngủ trong thời gian dài. C. giảm khả năng vận động, lao động. D. mất cảm giác khi thay đổi thời tiết
	Câu 4. Khi nói về mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường, phát biểu nào sau đây sai? A. Các hoạt động sống của tế bào không ảnh hưởng của yếu tố môi trường ngoài. B. Các hoạt động sống cấp độ tế bào và cấp độ cơ thể có mối quan hệ chặt chẽ. C. Hoạt động sống ở cấp độ tế bào là cơ sở cho hoạt động sống ở cấp độ cơ thể. D. Hoạt động sống cấp độ cơ thể điều khiển các hoạt động sống cấp độ tế bào.
	Câu 5. Khi nói về một số biểu hiện cơ thể suy dinh dưỡng ở người lớn, phát biểu nào không đúng? A. Trọng lượng cơ thể giảm, ăn nhiều. B. Cơ teo tóp, cơ thể kém phát triển. C. Suy gan, suy tim, suy hô hấp. D. Cơ thể mệt mỏi, giảm vận động.
	Câu 6. Ở người, quá trình trao đổi chất diễn ra không bình thường sẽ ảnh hưởng như thế nào? A. Ảnh hưởng đến toàn bộ cơ quan trong cơ thể. B. Ảnh hưởng đến hệ tiêu hóa. C. Ảnh hưởng đến hệ tuần hoàn. D. Ảnh hưởng đến hệ bài tiết.
	Câu 7. Ở cơ thể đa bào, mọi hoạt động sống diễn ra ở đơn vị cấu trúc nào? A. Tế bào. B. Mô. C. Cơ quan. D. Hệ cơ quan.
	Câu 8. Ở người, hoạt động nào sau đây có sự phối hợp hoạt động chủ yếu của hệ thần kinh, hệ vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ bài tiết? A. Chạy bộ. B. Nghỉ ngơi. C. Ăn uống. D. Ngủ.
	Câu 9. Trong chăn nuôi, cung cấp thiếu thức ăn thì cơ quan nào trong cơ thể vật nuôi bị ảnh hưởng? A. Ảnh hưởng đến hoạt động toàn bộ cơ thể. B. Ảnh hưởng đến hoạt động của hệ cơ và xương. C. Ảnh hưởng đến hoạt động của hệ hô hấp. D. Ảnh hưởng đến hoạt động của hệ tiêu hóa.
	Câu 10. Khi chúng ta bơi cạn lực thì các hệ cơ quan nào sẽ tăng cường hoạt động? A. Hệ vận động, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn. B. Hệ vận động, hệ bài tiết, hệ nội tiết. C. Hệ hô hấp, hệ nội tiết, hệ tuần hoàn. D. Hệ vận động, hệ nội tiết, hệ hô hấp.

.....**HẾT**.....